DƯ LƯỢNG THUỐC BVTV TRONG NÔNG SẢN CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT – QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG TIÊU THỤ NỘI ĐỊA VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT DƯ LƯỢNG

Vietnam suspends exports to EU

Vietnam has temporarily suspended exports of five vegetables to the European Union to prevent a blanket ban on Vietnamese green produce

Three shipments of Vietnamese basil and bitter melon to the European Union (EU) have been found to contain bacteria harmful to human health, since February 2014.

The European Commission Director General for Health and Consumers (DGSANCO) has warned Vietnamese exporters that if two more shipments of fresh produce are found to violate food safety regulations, all green produce shipments from Vietnam will be banned from entering the EU.

Under current regulations, DGSANCO has ruled that if five shipments of Vietnamese produce are found to breach food safety rules between February 2014 and February 2015, a ban on green produce exports will be implemented.

As a result of the warning, Vietnam's Plant Protection Department has temporarily suspended new exports of basil, chili, bitter melon, celery and cilantro in order to prevent a blanket ban.

"All Vietnamese fruit and vegetable products will be blacklisted by DGSANCO if two more violations are detected," Dang Van Hoang from the Protection Department told *Tuoi Tre News*. Hoang said the ban

Vietnamese bitter melon exports to the EU have been temporarily suspended

RELATED ARTICLES

1. Take five and tell us how you feel...
2. Creating something out of the ordinary
3. India reopens to Vietnamese dragonfruit
4. India suspends okra exports
5. EU warns India over export quality
6. Thai exports to EU set to be halted

Xuất bản từ năm 1945
NĂM THỨ BA BA (BỘ MỚI)
THỨ BA
1/10/2019
(3 tháng Chín, Kỷ Hợi)
Số 196
(5912)
Website: nongnghiep.vn

Nông nghiệp Việt Nam

CƠ QUAN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN • DIỄN ĐÀN XÃ HỘI VỀ SỰ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÂNG CAO DÂN TRÍ NÔNG THÔN

"Cõng con chữ" lên đỉnh Ngọc Linh

Tình cảm của cô giáo Thu và học trò ngày càng thắm thiết

Xem trang 8

Lạng Sơn sẽ là điểm đến mới trên bản đồ du lịch Việt Nam

2

A LƯU SÔNG HẬU:

riều cường lịch sử ây ngập nhiều nơi

3

huyển phát vé trận iệt Nam-Malaysia

9

ốc sức phòng hống dịch tả lợn hâu Phi

13

em xét, thi hành ý luật Ban ường vụ Tỉnh ủy hánh Hòa

14

ơn 100 người n Độ chết vì ngập ıt

16

VỀ VỰA QUẢ "RỒNG LỬA" NGƯỜI TRUNG QUỐC ƯA CHUỘNG

Nhanh chóng thay đổi tư duy

MINH SÁNG - HỒNG THỦY

Về các vùng chuyên canh thanh long - loại quả xuất khẩu rất lớn sang Trung Quốc mà người dân bên đó đặc biệt yêu thích gọi là quả "rồng lửa", huyện Châu Thành (Long An) và Chợ Gạo (Tiền Giang) thời điểm này chỉ nghe nông dân bàn chuyện Trung Quốc đang siết chặt tiểu ngạch và tăng cường quản lý nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Vì thế, nông dân trồng thanh long ở đây đang tích cực thay đổi phương thức canh tác....

Xem trang 7

Nông dân trồng thanh long sẵn sàng thay đổi tư duy canh tác đáp ứng theo yêu cầu thị trường. Ảnh: Thành Nam

CẢNH BÁO

"Những đứa trẻ sinh ra tại các vùng bị ô nhiễm không khí cao có nguy cơ tử vong cao hơn" là tổng kết của các nhà nghiên cứu theo dõi trên 8 triệu trẻ em trong thời gian hơn 10 năm tại châu Âu. Theo đó, 3 loại chất gây ô nhiễm làm tăng nguy cơ tử vong

BỘ GT-VT GIẢI THÍCH ĐỘI VỐN, CHẬM TIẾN ĐỘ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT CÁT LINH - HÀ ĐÔNG

Do quy định của Việt Nam và [illegible]

Ngang nhiên lấn sông, thách thức chính quyền

- Tại sao vấn đề an toàn thực phẩm được đặt ra? Nguyên nhân dẫn đến thực phẩm mất an toàn?
- Vấn đề ATTP tác động như thế nào trong thương mại?
- Thị trường nông sản trong nước và quốc tế yêu cầu như thế nào về an toàn thực phẩm?
- Những vấn cơ bản nào cần biết về vấn đề dư lượng thuốc trong nông sản?
- Làm thế nào để kiểm soát dư lượng trong nông sản đảm bảo tiêu chuẩn của thị trường?
- Làm thế nào để xác định dư lượng trong nông sản và các tổ chức thử nghiệm nào thực hiện việc xác định dư lượng thuốc trong nông sản?

NỘI DUNG

- Giới thiệu chung về vấn đề an toàn thực phẩm – những quy định trong nước và quốc tế.
- Những thách thức đối với nông sản Việt Nam liên quan đến về vấn đề an toàn thực phẩm – dư lượng thuốc BVTV.
- Những kiến thức đề cơ bản về dư lượng thuốc BVTV.
- Các giải pháp nhằm giảm nguy cơ dư lượng trong nông sản.
- Năng lực nghiên cứu về dư lượng thuốc BVTV trong nông sản tại Cục BVTV và các tổ chức kiểm định dư lượng.

The World of Organic Agriculture 2016

Organic Farmland 2016

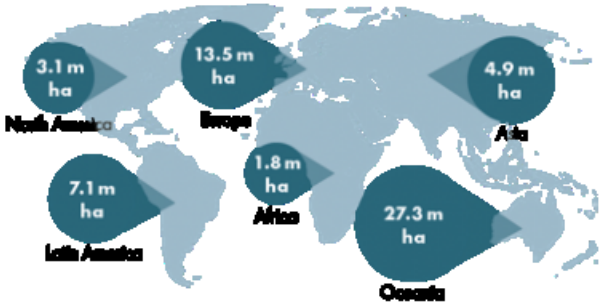

57.8 m ha Organic farmland in million hectares

+15% From 2015

178 Countries with organic farming

Top 3 countries (land in million of hectares)

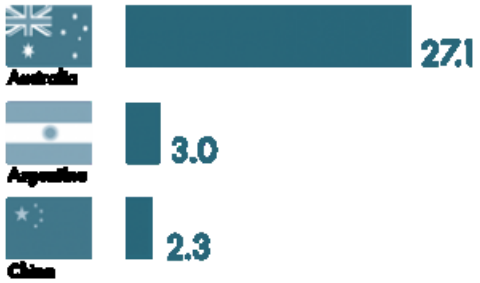

Organic Producers 2016

The number of organic producers is increasing

2.7 million Organic farmers

+12.8% From 2015

Number of producers: Top 3 countries

Organic Market 2016

The global market is growing and consumer demand is increasing

More than 80 Global organic food market in billion euros

Top 3 countries (market in billion euros)

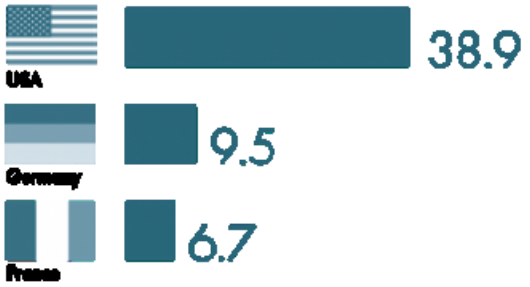

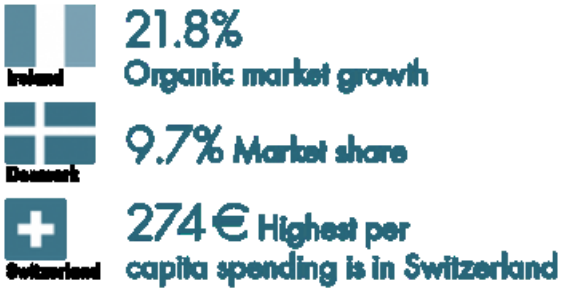

FiBL

Source: FiBL survey based on national sources
© FiBL 2018
More information: www.organic-world.net

Ví dụ: Nhật Bản

- Tỷ lệ canh tác hữu cơ (2016): 0.24%
- Canh tác phụ thuộc vào thuốc BVTV: > 99%

Các biện pháp bảo vệ cây trồng

1. Canh tác - sử dụng giống kháng, …
2. Vật lý – dùng lưới, bẩy đèn, …
3. Sinh học – dùng thiện địch, dịch ly trích từ động, thực vật, vi sinh vật…
4. Hóa học – sử dụng thuốc BVTV hóa học.

IPM – Khống chế quần thể dịch hại dưới ngưỡng gây hại kinh tế thông qua việc kết hợp các biện pháp trên

Mục tiêu của IPM (cách đây 50 năm)

Giảm thiểu việc sử dụng thuốc BVTV hóa học nhằm giảm tác động có hại của thuốc đối với con người và môi trường.

Nếu không được bảo vệ

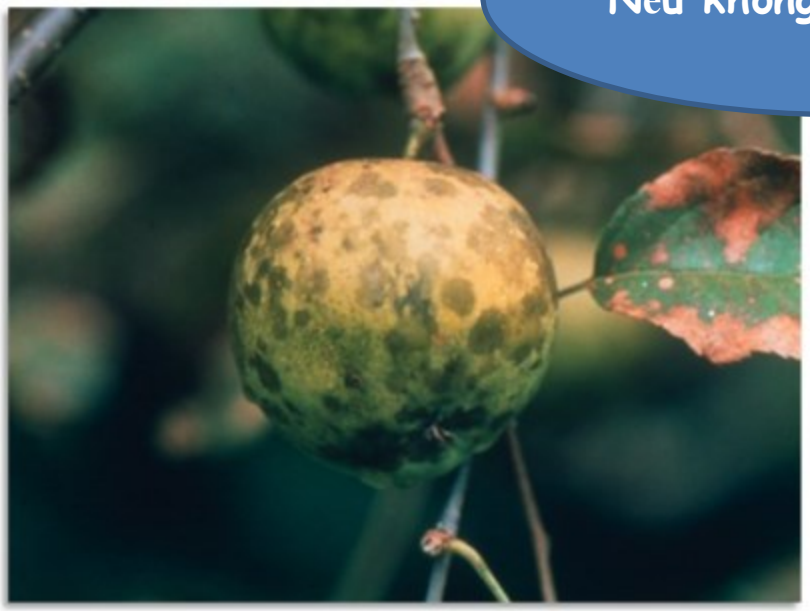

(Pesticide Seminar 2007)

Tại sao thuốc BVTV vẫn là biện pháp BVTV quan trọng?

- **Ưu điểm:**
  - Đơn giản dễ áp dụng
  - Hiệu quả cao và ổn định
  - Kinh tế
- **Nhược điểm (nếu sử dụng không phù hợp):**
  - Có thể ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người
  - Có thể ảnh hưởng xấu đến môi trường
  - Có thể dẫn đến phát triển tính kháng ở dịch hại.

Tại sao thực phẩm mất an toàn?

- Nhiễm dư lượng thuốc hóa học
- Nhiễm vi sinh vật gây bệnh cho người, vật nuôi
- Nhiễm độc tố do vi sinh vật

QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI NÔNG SẢN TIÊU THỤ TRONG NƯỚC

(NS NHẬP KHẨU, SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRONG NƯỚC)

co.opmart
bạn của mọi nhà
LỄ KHAI TRƯƠNG
SIÊU THỊ CO.OPMART THANH HÓA

Big C
SUPERCENTER

LOTTE Mart

RAU CỦ QUẢ

VinEco

BỘ Y TẾ

Số: 50 /2016/TT-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ
Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm được sản xuất trong nước, nhập khẩu.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (Maximum Residue Level - viết tắt là MRL) là hàm lượng tối đa của một tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (đơn vị tính: mg/kg thực phẩm).

2. Tồn dư thuốc bảo vệ thực vật (Pesticide Residue) là các chất tồn dư trong thực phẩm do sử dụng một loại thuốc bảo vệ thực vật.

Tồn dư thuốc bảo vệ thực vật có thể từ các nguồn chưa biết, không thể tránh khỏi (như từ môi trường) hoặc từ việc sử dụng hóa chất.

Tồn dư thuốc bảo vệ thực vật bao gồm các dẫn xuất của thuốc bảo vệ thực vật như các sản phẩm chuyển đổi, chuyển hóa, sản phẩm phản ứng và các tạp chất được coi là có ý nghĩa về độc tính.

3. Giới hạn tối đa dư lượng từ nguồn khác (Extraneous Maximum Residue Limit - viết tắt là EMRL) là hàm lượng tối đa trong thực phẩm của một tồn dư thuốc bảo vệ thực vật hoặc chất ô nhiễm từ môi trường (bao gồm cả việc sử dụng các hóa chất trong nông nghiệp trước đây), không bao gồm tồn dư từ việc sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật hoặc chất ô nhiễm trực tiếp hoặc gián tiếp đối với thực phẩm (đơn vị tính: mg/kg thực phẩm).

4. Lượng ăn vào hằng ngày chấp nhận được (Acceptable Daily Intake - viết tắt là ADI) là lượng ăn vào hằng ngày của một hóa chất trong suốt cuộc đời mà không gây hại tới sức khoẻ con người (đơn vị tính: mg/kg thể trọng).

5. Mã số thuốc bảo vệ thực vật (viết tắt là Code) là mã số thuốc bảo vệ thực vật của Ủy ban Tiêu chuẩn hóa thực phẩm quốc tế (CODEX).

Điều 3. Ban hành giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

Phần 8 "Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm" ban hành kèm Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm" hết hiệu lực từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Cục An toàn thực phẩm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- VPCP (Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, ATTP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Long

PHỤ LỤC
GIỚI HẠN TỐI ĐA DƯ LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TRONG THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Mã (Code)	Tên thuốc BVTV (tên hoạt chất)	ADI	Tồn dư thuốc BVTV cần xác định	Thực phẩm	MRL (mg/kg)	Ghi chú
1	20	2,4-D	0,01	2,4-D	Các loại quả mọng và quả nhỏ khác	0,1	
					Quả có múi thuộc họ cam quýt	1	Po
					Nội tạng ăn được của động vật có vú	5	
					Trứng	0,01	(*)
					Ngô	0,05	
					Thịt động vật có vú, trừ động vật có vú ở biển	0,2	
					Sữa nguyên liệu	0,01	
					Quả dạng táo	0,01	(*)
					Khoai tây	0,2	
					Thịt gia cầm	0,05	(*)
					Nội tạng ăn được của gia cầm	0,05	(*)
					Gạo đã xát vỏ	0,1	
					Lúa mạch đen	2	
					Lúa miến	0,01	(*)
					Đậu tương (khô)	0,01	(*)
					Các loại quả có hạt	0,05	(*)
					Mía	0,05	
					Ngô ngọt (nguyên bắp)	0,05	(*)
					Các loại quả hạch	0,2	
					Lúa mì	2	
2	56	2-Phenylphenol	0,4	Tổng hàm lượng 2-Phenylphenol và Natri 2-Phenylphenol tự do hoặc phức hợp, tính theo 2-Phenylphenol	Quả có múi thuộc họ cam quýt	10	Po
					Nước cam ép	0,5	PoP
					Lê	20	Po
3	177	Abamectin	0 - 0,001	Đối với thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật: Avermectin B1a. Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật: Avermectin B1a. Tồn dư tan trong chất béo.	Hạnh nhân	0,01	(*)
					Táo	0,02	
					Mỡ gia súc	0,1	(1)
					Thận gia súc	0,05	(1)
					Gan gia súc	0,1	(1)
					Thịt gia súc	0,01	(*)
					Sữa gia súc	0,005	
					Quả có múi thuộc họ cam quýt	0,01	(*)

QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐỐI VỚI NÔNG SẢN XUẤT KHẨU -

YÊU CẦU TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU

Hoạt chất Chlorpyrifos/gạo

Glyphosate

0.1 mg/kg

0.2 mg/kg

0.01 mg/kg

Chlorpyrifos

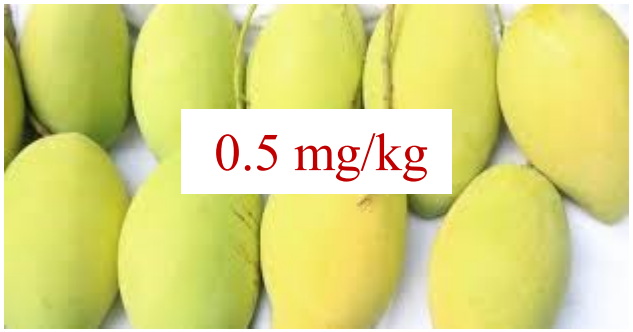

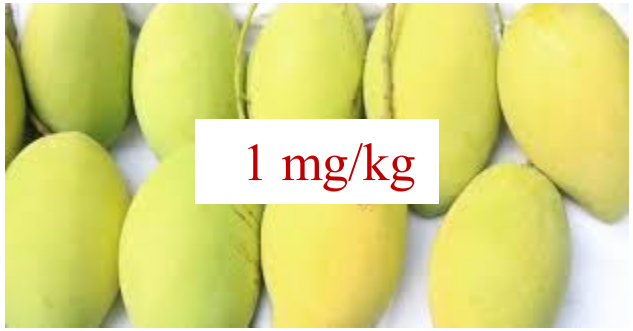

Nguồn truy cập thông tin về quy định mức dư lượng tối đa (MRL) trong nông sản, thực phẩm tại các nước nhập khẩu.

https://www.mpi.govt.nz/growing-and-harvesting/plant-products/pesticide-maximum-residue-levels-mrls-for-plant-based-foods/pesticide-maximum-residue-level-legislation-around-the-world/

Plant products
- Hemp seeds as food
- Selling plant products in New Zealand
- Using fertilisers
- Using agricultural chemicals
- Pesticide Maximum Residue Levels (MRLs) for plant-based foods
  - Pesticide maximum residue level legislation around the world
- Exporting plants and plant products
- Exporting plant-based food

Pesticide maximum residue level legislation around the world

Find links to maximum residue level (MRL) legislation in many markets, including New Zealand, and to MRLs established by the Codex Alimentarius Commission (CAC).

Finding MRL requirements for destination markets

Most of the links in this table direct to external websites. Most of them are updated regularly. However, MPI does not guarantee the accuracy of the information. You should also check relevant trading partner legislation before exporting your plant products.

Links to MRLs and/or legislation

- Argentina
- Australia
- Brazil
- Canada
- Chile
- Codex
- Costa Rica
- European Union
- Hong Kong
- India
- Indonesia
- Israel
- Japan
- Korea
- Malaysia
- New Caledonia
- New Zealand
- Philippines
- Russian Federation
- Singapore
- South Africa
- Switzerland
- Taiwan
- Thailand
- USA
- Vietnam

level legislation around the world

Exporting plants and plant products

Exporting plant-based food

Supplying the wine industry

Documents for plant products

Plants registers and lists

legislation before exporting your plant products.

Links to MRLs and/or legislation

Country/market	Source	Notes
Argentina	SENASA Regulations InfoLEG Legislative documents	Select 'Resolucion' in 'Tipo de norma' and SENASA in ''Dependencia'. Select 'Busqueda: Por Texto', 'Resolucion' in 'Tipo de norma' and use 'LMR' in Text: search box.
Australia	FSANZ Food Standards Code Schedule 20	NZ MRLs also apply for NZ-produced food (TTMRA). MRLs are in Schedule 20.
Brazil	ANVISA Pesticide Monographs	MRLs included in the ANVISA pesticide "Monografias Autorizadas".
Canada	PMRA MRL Database PMRA Consultations	MRL Database (searchable). Proposed MRLs are the 'PMRL' series.
Chile	Chile Legislation	MRLs are in Resolution 581 (1999) – as updated by Chilean Ministry of Health.
Codex	Codex Pesticide Residues	MRL database (searchable).

http://www.infoleg.gob.ar/

		Chilean Ministry of Health.
Codex	Codex Pesticide Residues	MRL database (searchable).
Costa Rica	SFE MRL Webpage	MRLs are in RTCR 424-2008, as updated by SFE.
European Union	EU Pesticides Database EU MRL Legislation UK HSE Pesticides web page	EU database of pesticide MRLs and active substance authorisations (searchable). Regulation EC 396/2005 and amendments. Recently adopted and proposed EU MRLs (See 'News').
GCC	GSO Standards Store	A list of GCC Standards (available for purchase). Search for "maximum limits".
Hong Kong	CFS MRL Database	MRL Database (searchable).
India	FSSAI Legislation	MRLs are listed in the "Food Safety and Standards (Contaminants, Toxins and Residues) Regulation, 2011. (See Compendium for updates).
Indonesia	Indonesia E-Legislation website	Select 'Nomor' as search key and search for the "KR.040" set of regulations. MRLs currently in 55/Permentan/KR.040/11/2016.

	Requirements for pesticides (EU webpage)	
Singapore	AVA Legislation webpage	See Sale of Food Act and the 9th Schedule in the associated Food Regulations.
South Africa	GOV.ZA portal	Search for 'Foodstuffs pesticide'.
Switzerland	Federal Council portal	DFI MRL Ordinance (817 series).
Taiwan	FDA Laws & Regulations	See Standards for Pesticide Residue Limits in Foods.
Thailand	ACFS General Standards	Browse for '9002' document series.
USA	GPO Federal Digital System	MRLs are in e-CFR, Part 40, Section 180
Vietnam	Vietnam Law website Vietnam Law website – English version	Search Title for 'TT-BYT maximum residue'. An MoH Circular is available for purchase in English through this webpage.

English version webpage.

Other links

Link	Notes
ASEAN Standards and Guidelines	Includes a database of ASEAN MRLs
Australia NRS MRL Database	Searchable database of MRLs for Australia and some other countries for Australian-registered pesticides on selected foods, compiled by the National Residue Survey.
Global MRL database (Bryant Christie)	Searchable MRL database for a wide range of commodities, pesticides and countries. Free access to US MRLs, other country MRLs available by subscription.
USDA FAS Reports	USDA's Food and Agricultural Import Regulations and Standards (FAIRS) country reports and Exporters Guides.
WTO/SPS notifications (ePing)	A searchable database of WTO SPS and TBT notifications.

Last reviewed: **01 Jul 2019**

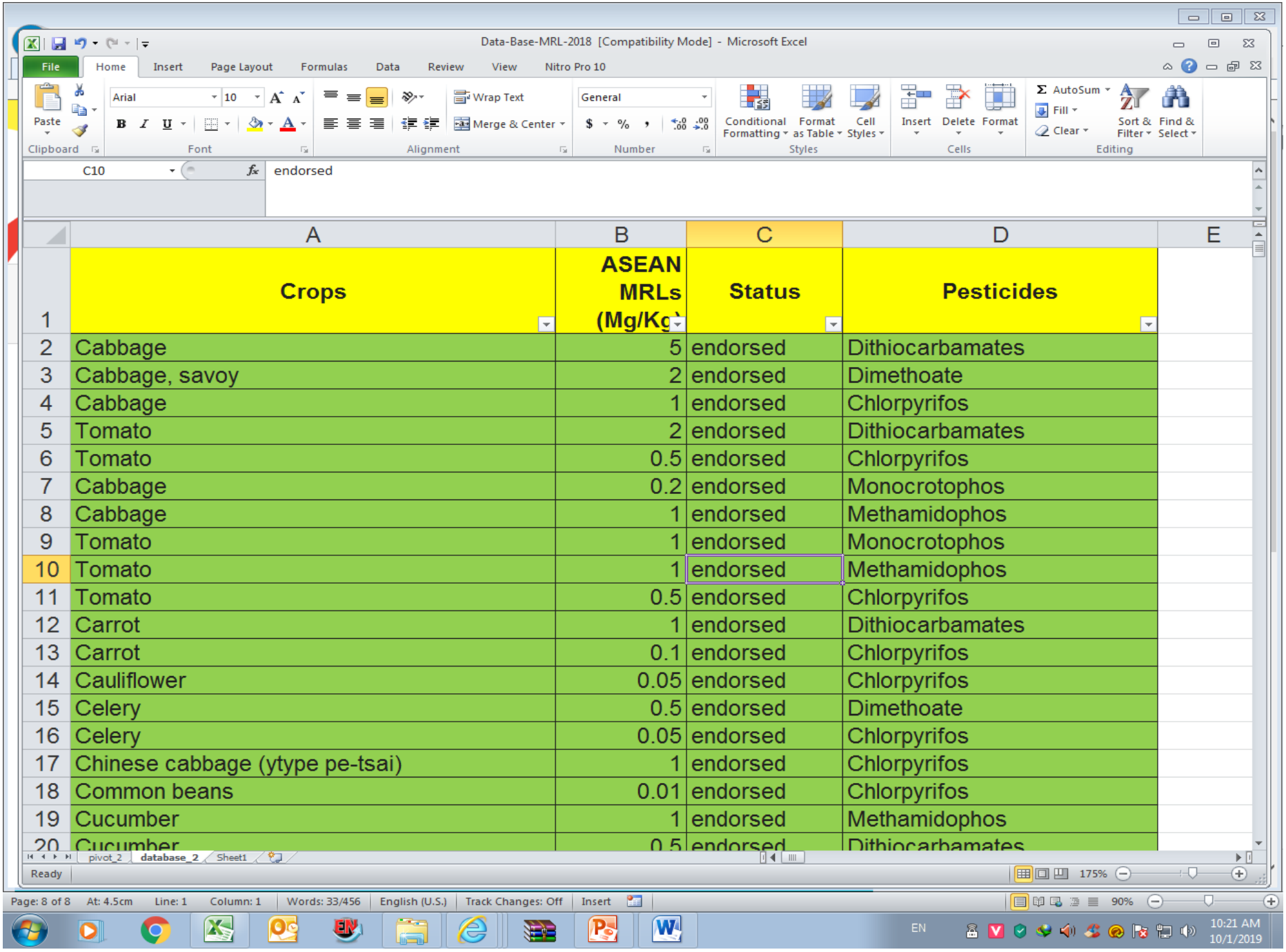
Data-Base-MRL-2018 [Compatibility Mode] - Microsoft Excel
File
Home
Insert
Page Layout
Formulas
Data
Review
View
Nitro Pro 10
Paste
Arial
10
Wrap Text
General
Merge & Center
Conditional Formatting
Format as Table
Cell Styles
Insert
Delete
Format
AutoSum
Fill
Clear
Sort & Filter
Find & Select
Clipboard
Font
Alignment
Number
Styles
Cells
Editing
C10
endorsed
A
B
C
D
E
1
Crops
ASEAN MRLs (Mg/Kg)
Status
Pesticides
2 Cabbage 5 endorsed Dithiocarbamates
3 Cabbage, savoy 2 endorsed Dimethoate
4 Cabbage 1 endorsed Chlorpyrifos
5 Tomato 2 endorsed Dithiocarbamates
6 Tomato 0.5 endorsed Chlorpyrifos
7 Cabbage 0.2 endorsed Monocrotophos
8 Cabbage 1 endorsed Methamidophos
9 Tomato 1 endorsed Monocrotophos
10 Tomato 1 endorsed Methamidophos
11 Tomato 0.5 endorsed Chlorpyrifos
12 Carrot 1 endorsed Dithiocarbamates
13 Carrot 0.1 endorsed Chlorpyrifos
14 Cauliflower 0.05 endorsed Chlorpyrifos
15 Celery 0.5 endorsed Dimethoate
16 Celery 0.05 endorsed Chlorpyrifos
17 Chinese cabbage (ytype pe-tsai) 1 endorsed Chlorpyrifos
18 Common beans 0.01 endorsed Chlorpyrifos
19 Cucumber 1 endorsed Methamidophos
20 Cucumber 0.5 endorsed Dithiocarbamates
pivot_2
database_2
Sheet1
Ready
175%
Page: 8 of 8
At: 4.5cm
Line: 1
Column: 1
Words: 33/456
English (U.S.)
Track Changes: Off
Insert
90%
EN
10:21 AM
10/1/2019

PESTICIDE_RESIDUES TRAINING - SOC TRANG - 2.10.2019 - final - Microsoft PowerPoint

Data-Base-MRL-2018 [Compatibility Mode] - Microsoft Excel

C10 | endorsed

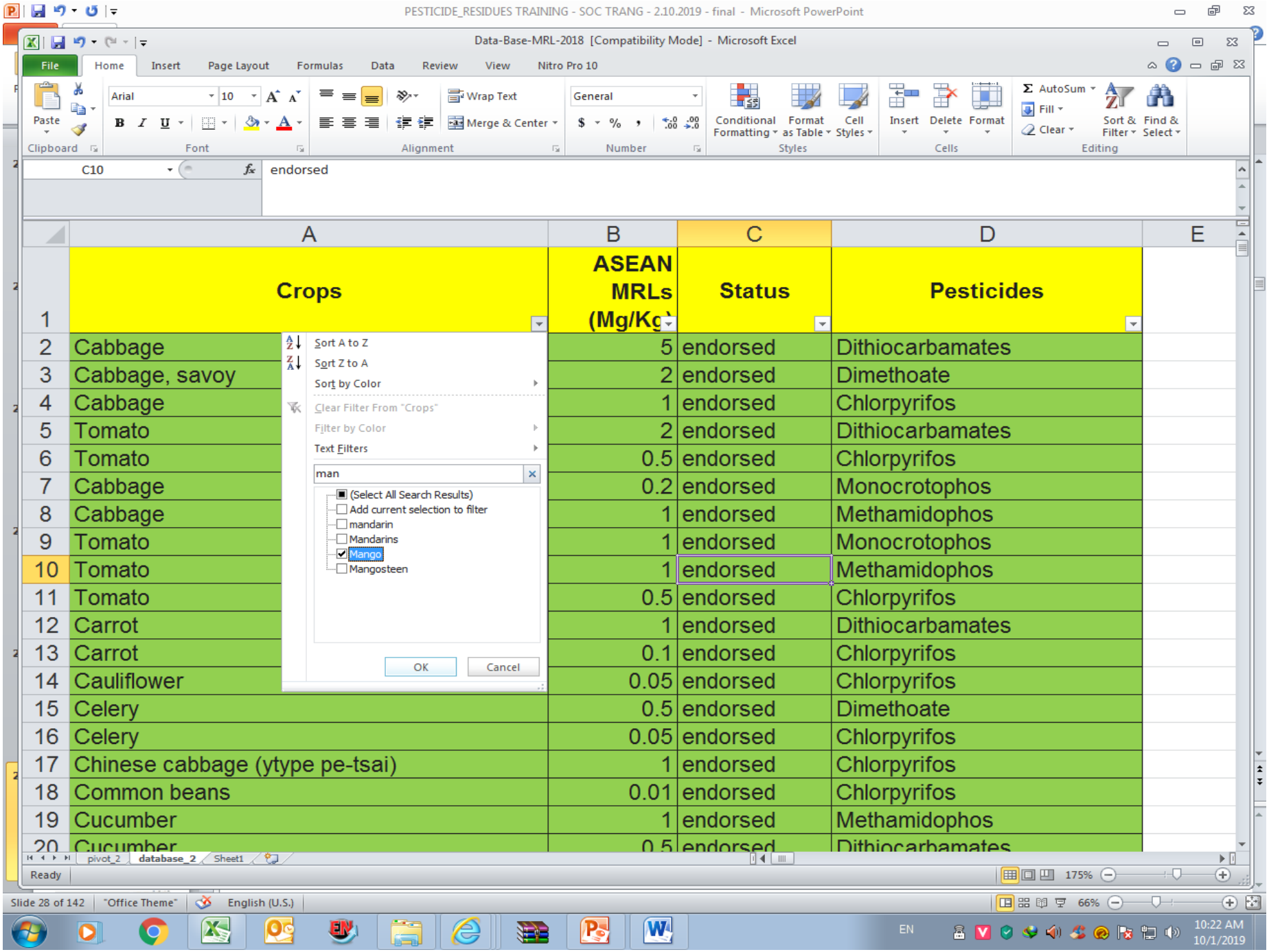

	A	B	C	D	E
1	Crops	ASEAN MRLs (Mg/Kg)	Status	Pesticides	
2	Cabbage	5	endorsed	Dithiocarbamates	
3	Cabbage, savoy	2	endorsed	Dimethoate	
4	Cabbage	1	endorsed	Chlorpyrifos	
5	Tomato	2	endorsed	Dithiocarbamates	
6	Tomato	0.5	endorsed	Chlorpyrifos	
7	Cabbage	0.2	endorsed	Monocrotophos	
8	Cabbage	1	endorsed	Methamidophos	
9	Tomato	1	endorsed	Monocrotophos	
10	Tomato	1	endorsed	Methamidophos	
11	Tomato	0.5	endorsed	Chlorpyrifos	
12	Carrot	1	endorsed	Dithiocarbamates	
13	Carrot	0.1	endorsed	Chlorpyrifos	
14	Cauliflower	0.05	endorsed	Chlorpyrifos	
15	Celery	0.5	endorsed	Dimethoate	
16	Celery	0.05	endorsed	Chlorpyrifos	
17	Chinese cabbage (ytype pe-tsai)	1	endorsed	Chlorpyrifos	
18	Common beans	0.01	endorsed	Chlorpyrifos	
19	Cucumber	1	endorsed	Methamidophos	
20	Cucumber	0.5	endorsed	Dithiocarbamates	

Sort A to Z
Sort Z to A
Sort by Color
Clear Filter From "Crops"
Filter by Color
Text Filters
man
(Select All Search Results)
Add current selection to filter
mandarin
Mandarins
Mango
Mangosteen
OK Cancel

pivot_2 | database_2 | Sheet1

Slide 28 of 142 | "Office Theme" | English (U.S.)

CODEX ALIMENTARIUS
International Food Standards

World Health Organization | Food and Agriculture Organization of the United Nations

Pesticide Residues in Food and Feed

Pesticide Index

This page contains an index of pesticides.
Clicking on a pesticide takes the user to a page with details on acceptable uses of the pesticide.

2
2,4-D - (20)
2-Phenylphenol - (56)

A
Abamectin - (177)
Acephate - (95)
Acetamiprid - (246)
Acetochlor - (280)
Aldicarb - (117)
Aldrin and Dieldrin - (1)
Ametoctradin - (260)
Aminocyclopyrachlor - (272)
Aminopyralid - (220)
Amitraz - (122)
Amitrole - (79)
Azinphos-Methyl - (2)
Azocyclotin - (129)
Azoxystrobin - (229)

B
Benalaxyl - (155)
Bentazone - (172)
Benzovindiflupyr - (261)
Bifenazate - (219)
Bifenthrin - (178)
Bitertanol - (144)
Boscalid - (221)
Bromide Ion - (47)
Bromopropylate - (70)
Buprofezin - (173)

C
Cadusafos - (174)
Captan - (7)
Carbaryl - (8)
Carbendazim - (72)

G
Glufosinate-Ammonium - (175)
Glyphosate - (158)
Guazatine - (114)

H
Haloxyfop - (194)
Heptachlor - (43)
Hexythiazox - (176)
Hydrogen Phosphide - (46)

I
Imazalil - (110)
Imazamox - (276)
Imazapic - (266)
Imazapyr - (267)
Imidacloprid - (206)
Indoxacarb - (216)
Iprodione - (111)
Isopyrazam - (249)
Isoxaflutole - (268)

K
Kresoxim-Methyl - (199)

L
Lindane - (48)
Lufenuron - (286)

M
Malathion - (49)
Maleic Hydrazide - (102)
Mandipropamid - (231)
MCPA - (257)
Meptyldinocap - (244)
Mesotrione - (277)
Metaflumizone - (236)
Metalaxyl - (138)
Methamidophos - (100)

CLICK HERE TO SUBMIT A SAMPLE

Japan MRL (Maximum Residue Limit) List

On May 29, 2006, Japan's Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW) introduced a "postive list system" for agricultural chemical residues in foods.

Below is a link to the searchable MRL (Maximum Residue Limits) database created by the Japan Food Chemical Research Foundation based on government gazettes and publications from the Japanese Ministry of Health, Labour, and Welfare.

- **Searchable MRL Database - Compositional Specification for Foods**
(MHWL Notification, No. 370, 1959, Amendment No.499 2005; updated periodically)

- Return to Top

Have a question? We're here to help!
With ISO 17025:2005 certification and more than a decade of recognized excellence in analytical testing of foods and other products, we at OMIC USA Inc. are always available to respond to your questions and offer advice. Feel free to **contact us** Monday – Friday, 8:30 a.m. to 5:00 p.m. (Pacific Time)!

Related Links:

- Quality Management
- Analytical Service Brochures
- OMIC USA Inc. Blog
- Frequently Asked Questions
- Submit Samples

Các thách thức đối với sản xuất tại Việt Nam

Yêu cầu về ATTP đối với NS của nước nhập khẩu

- Liên tục thay đổi quy định về hoạt chất cấm
  - Carbendazim, 2,4 D, Paraquat, Glyphosate…
- Giảm mức MRLs
  - Tricyclazole: 0.1 mg/kg to 0.01 mg/kg
  - Loại khỏi danh mục MRL đối với một số SP (Chlorpyrifos, Fipronil …)
- Không có MRL cho một số h/c trên một số nông sản đặc thù của VN
  - Thanh long, xoài, nhãn, vú sữa, sầu riêng, hồ tiêu, gạo, …

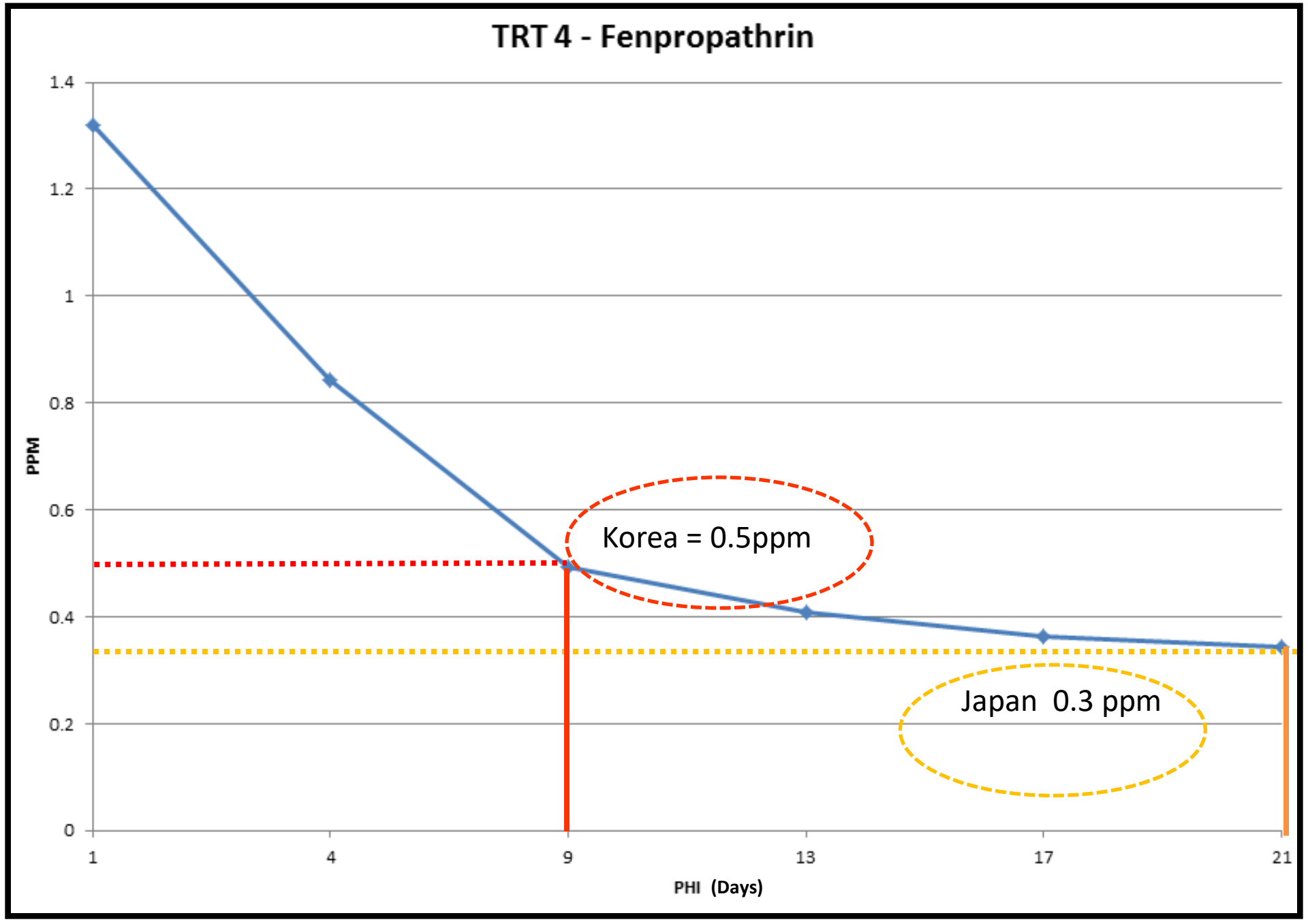
TRT 4 - Fenpropathrin
1.4
1.2
1
0.8
0.6
0.4
0.2
0
PPM
Korea = 0.5ppm
Japan 0.3 ppm
1
4
9
13
17
21
PHI (Days)

- Áp lực sâu bệnh hại
- Hiện trạng kháng thuốc gia tăng
- Chi phí sản xuất tăng
- Dư lượng thuốc:
  - vượt ngưỡng quy định
  - cây đặc thù (thiếu quy định MRL/Tolerance)

→ vi phạm quy định của nước nhập khẩu.

- Mất an toàn thực phẩm nội địa (sp sản xuất trong nước và nhập khẩu).
- Vượt mức dư lượng đối với hàng xuất khẩu (e.g. thị trường Mỹ, EU, Uc , Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan,…): gạo, trái cây (thanh long, xoài,…), hồ tiêu, chè, rau,…
- Cảnh báo từ nước nhập khẩu (US: import alerts; EU: The Rapid Alert System for Food and Feed (*RASFF*)

Import Alert 99-08

(Note: This import alert represents the Agency's current guidance to FDA field personnel regarding the manufacturer(s) and/or products(s) at issue. It does not create or confer any rights for or on any person, and does not operate to bind FDA or the public).

Import Alert # 99-08
Published Date: 01/20/2017
Type: DWPE
Import Alert Name:
"Detention Without Physical Examination Of Processed Foods for Pesticides"

Reason for Alert:

NOTE: The revisions to this Import Alert dated ***02/16/2016 provide clarification on pesticide chemical residues regulated as combined residues (including isomers) or residues including metabolites and degradates, and adds information regarding recommendations for detention without physical examination ("DWPE"), release of articles subject to DWPE, as well as removal from DWPE.*** Changes are noted and bracketed by asterisks (***).

This alert provides a compilation of all processed foods that may be subject to detention without physical examination due to illegal pesticide ***chemical*** residues pursuant to the procedures outlined in Chapter 9 of the ***Regulatory Procedures Manual (RPM)***.

This alert covers specific growers/shippers. Countrywide DWPE recommendations are covered by #99-15.

Guidance:

Problems: CARBENDAZIM (MBC);

Khanh Tam Private Enterprise **Date Published : 04/07/2016**
152/4 Binh Luong Hamlet, Binh Thanh , Commune, Thu Thua District , Tan An, VN-41 VIETNAM
02 A - - 05 Rice, Cultivated, Whole Grain Date Published: 04/07/2016
Desc:Rice; Whole Grain
Notes:Product labeling stated "Long Grain Rice"
Problems: ISOPROTHIOLANE;
02 D - - 02 Rice, Plain (White or Polished) Processed (Packaged) Date Published: 04/07/2016
Desc:Rice; Plain (white or polished)
Notes:Product labeling stated "Long Grain Rice"
Problems: ISOPROTHIOLANE;

LAND PEARL FOOD LIMITED COMPANY **Date Published : 04/27/2017**
An Hoa Hamlet, Dinh an Commune , Lap Vo, Dong Thap VIETNAM
02 D - - 09 Rice, Jasmine, Processed (Packaged) Date Published: 04/27/2017
Desc:Vietnamese Jasmine Rice
Problems: ISOPROTHIOLANE;

Lam Dung Company Limited **Date Published : 03/25/2014**
Plot II-5, C-Area, , Sa Dec Industrial park , Sa Dec, VN-45 VIETNAM
21 S - - 05 Mango (Subtropical and Tropical Fruit) Date Published: 03/25/2014
Desc:Frozen Mango Chunks
Notes:844142 BLT-DO
Problems: CARBENDAZIM (MBC);

Lavifood Joint Stock Company **Date Published : 01/30/2017**
Lot D1A Doc 2 Road , PROVIENCE , Long an, VIETNAM
21 S - - 03 Fig (Subtropical and Tropical Fruit) Date Published: 01/30/2017
Desc:Frozen Mango Chunks
Problems: CARBENDAZIM (MBC);

Le Thi Nguyet Anh **Date Published : 08/17/2015**
67/4/206 Chung Cu Dinh Tien Hoang , Ho Chi Minh, VIETNAM
21 S - - 18 Longan (Subtropical and Tropical Fruit) Date Published: 08/17/2015

Các hoạt chất do FDA cảnh báo về dư lượng trong gạo nhập khẩu từ VN sang Hoa Kỳ

	Hoạt chất	**Mục đích sử dụng**
1	Hexaconazole*	Bệnh lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn, vàng sọc lá.
2	Isoprothiolane*	Bệnh đạo ôn
3	Tebuconazole*	Bệnh lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn, vàng lá.
4	Tricyclazole	Bệnh lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn
5	Azoxystrobin	Bệnh lem lép hạt, blastkhô vằn, vàng sọc lá.
6	Propiconazole	Bệnh lem lép hạt, Bệnh đạo ôn, khô vằn, vàng sọc lá.
7	Flusicolazole*	Bệnh đạo ôn, Bệnh lem lép hạt, cháy lá
8	Difenoconazole	Bệnh lem lép hạt, vàng sọc lá.
9	Fenitrothion*	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi
10	Chlorpyrifos ethyl *	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi
11	Acetamiprid*	Rầy nâu (BPH), sâu cuốn lá
12	Pirimiphos-methyl*	Khử trùng kho

(*) Hoạt chất thường phát hiện vượt MRLs

RASFF Portal

Search result: 62 notifications

Search criteria | **Subject** *VIETNAM* | **Open alert** only open alerts

	Classification	Date of case	Reference	Notifying country	Subject	Product Category	Type	Risk decision	
1.	alert	01/09/2017	2017.1336	Swe	Descending sort on country code ppm) in frozen swordfish steaks from Vietnam, via Belgium and via the Netherlands	meat and meat products (other than poultry)	food	serious	Details
2.	alert	16/08/2017	2017.1227	Netherlands	mercury (2.1 mg/kg - ppm) in frozen swordfish steaks (Xiphias gladius) from Vietnam	fish and fish products	food	serious	Details
3.	alert	25/07/2017	2017.1093	Netherlands	mercury (1.3 mg/kg - ppm) in frozen marlin loins (Makaira indica) from Belgium, with raw material from Vietnam	fish and fish products	food	serious	Details
4.	alert	25/07/2017	2017.1094	Netherlands	mercury (2.3 mg/kg - ppm) in frozen swordfish loins from Belgium, with raw material from Vietnam	fish and fish products	food	serious	Details
5.	alert	24/07/2017	2017.1080	France	mercury (1.404 mg/kg - ppm) in frozen swordfish steaks from Vietnam, via the Netherlands, packaged in France	fish and fish products	food	serious	Details
6.	alert	30/06/2017	2017.0934	Netherlands	cadmium (up to 1.3 mg/kg - ppm) and mercury (up to 2.8 mg/kg - ppm) in fish products from Vietnam and India, via Belgium	fish and fish products	food	serious	Details

Các hoạt chất do EU cảnh báo về dư lượng trong NS nhập khẩu từ VN

Acephate	Dinotefuran
Azoxystrobin	Flubendiamide
Carbendazim*	Hexaconazole
Carbofuran	Hexaflumuron
Carbosulfan	Iprodione
Chlorfenapyr	Metalaxyl
Chlorfluazuron	Methamidophos
Chlorpyrifos E	Omethoate
Cypermethrin	Permethrin
Cyromazine	Phenthoate
Diafenthiuron	Propiconazole
Dimethoate	

Các vấn đề cơ bản về dư lượng

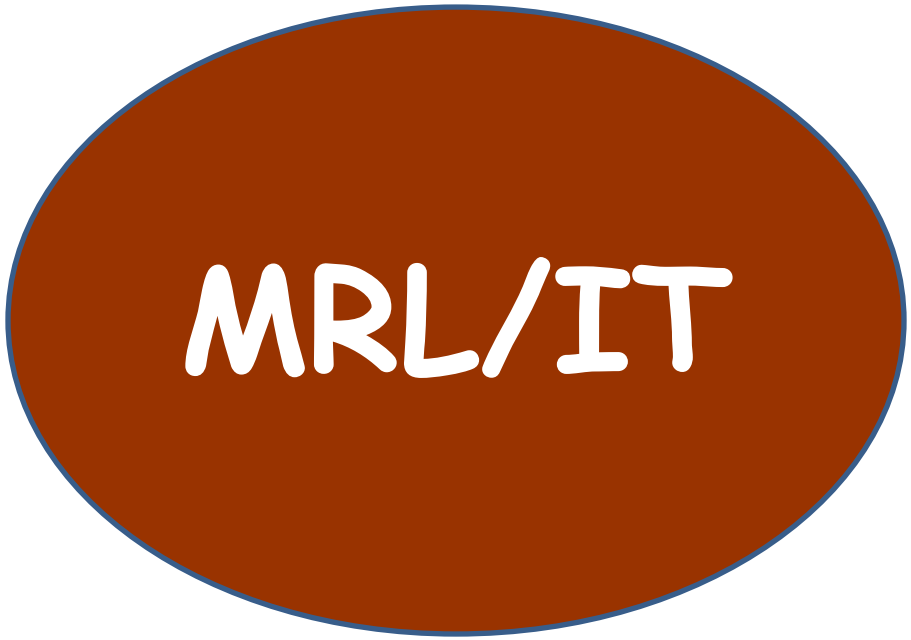
MRL/IT

G.A.P

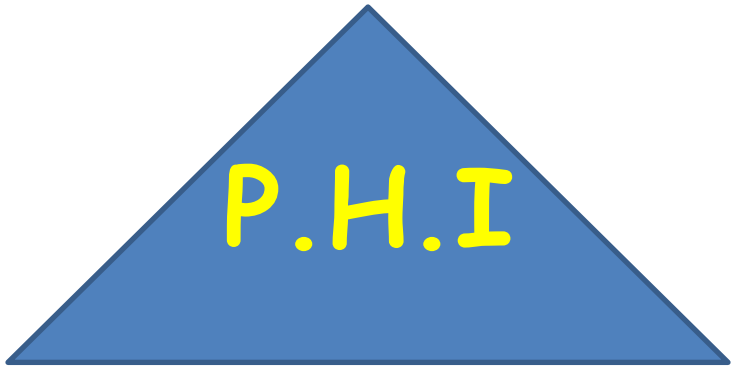
P.H.I

G.L.P

MRL

A maximum residue limit (MRL) is the highest level of a pesticide residue that is legally tolerated in or on food or feed when pesticides are applied correctly in accordance with Good Agricultural Practice.

Setting of MRLs

Health risk

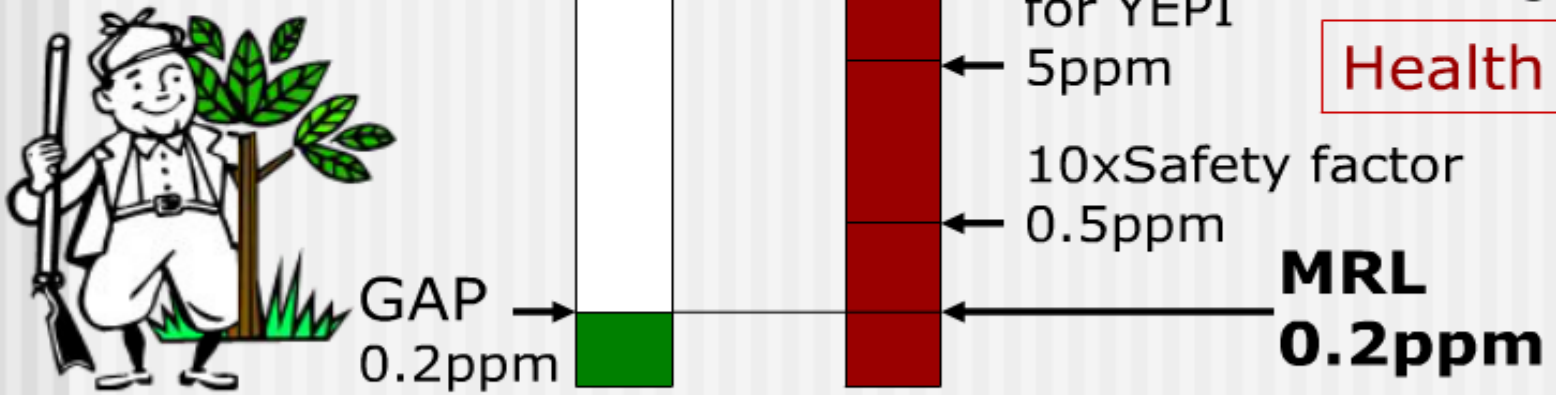

- MRL frequently mis-interpreted as safety limit instead of trading standard

SA PIP PPECB

- MRLs được áp dụng như tiêu chuẩn trong thương mại và bắt buộc tuân thủ
- MRLs không phải là những giới hạn về an toàn:

  Khi một nông sản có mức dư lượng vượt MRL có nghĩa là NS đó không được chấp nhận cho thương mại (nhập khẩu) nhưng có thể vẫn an toàn cho sức khỏe con người

Các hệ thống MRL trên thế giới

- Codex MRL (joint b/t FAO + WHO)
- US import tolerance/MRL
- EU
- Australia,
- New Zealand
- Japan
- South Korea
- Taiwan
- ASEAN
- Bộ Y Tế VN …(Vietnam)
- …….

P.H.I

3.3 Thời gian cách ly (Pre-harvest interval)

Là khoảng thời gian tính bằng ngày từ lần xử lý cuối cùng đến khi thu hoạch.

Thời gian cách ly lý thuyết là khoảng thời gian từ lần xử lý thuốc cuối cùng đến khi thu hoạch mà tại thời điểm đó, dư lượng của thuốc trên cây chỉ bằng hay thấp hơn dư lượng tối đa cho phép.

Cách xác định PHI

- Các thí nghiệm trên đồng ruộng được bố trí trong điều kiện canh tác của địa phương và tuân thủ GAP
- Phân tích dư lượng phải thực hiện theo GLP bởi phòng TN được công nhận/chỉ định
- PHI được xác định sao cho mức dư lượng tối đa trong NS không vượt ngưỡng MRL/tolerance

PHI được thiết lập trên cơ sở thí nghiệm theo GAP với khả năng để lại dư lượng cao nhất.

- Sử dụng liều lượng (nồng độ) cao nhất
- Số lần sử dụng nhiều nhất
- Định kỳ sử dụng ngắn nhất
- Khoảng cách từ khi xử lý đến thu hoạch ngắn nhất.

Xác định thời gian cách ly

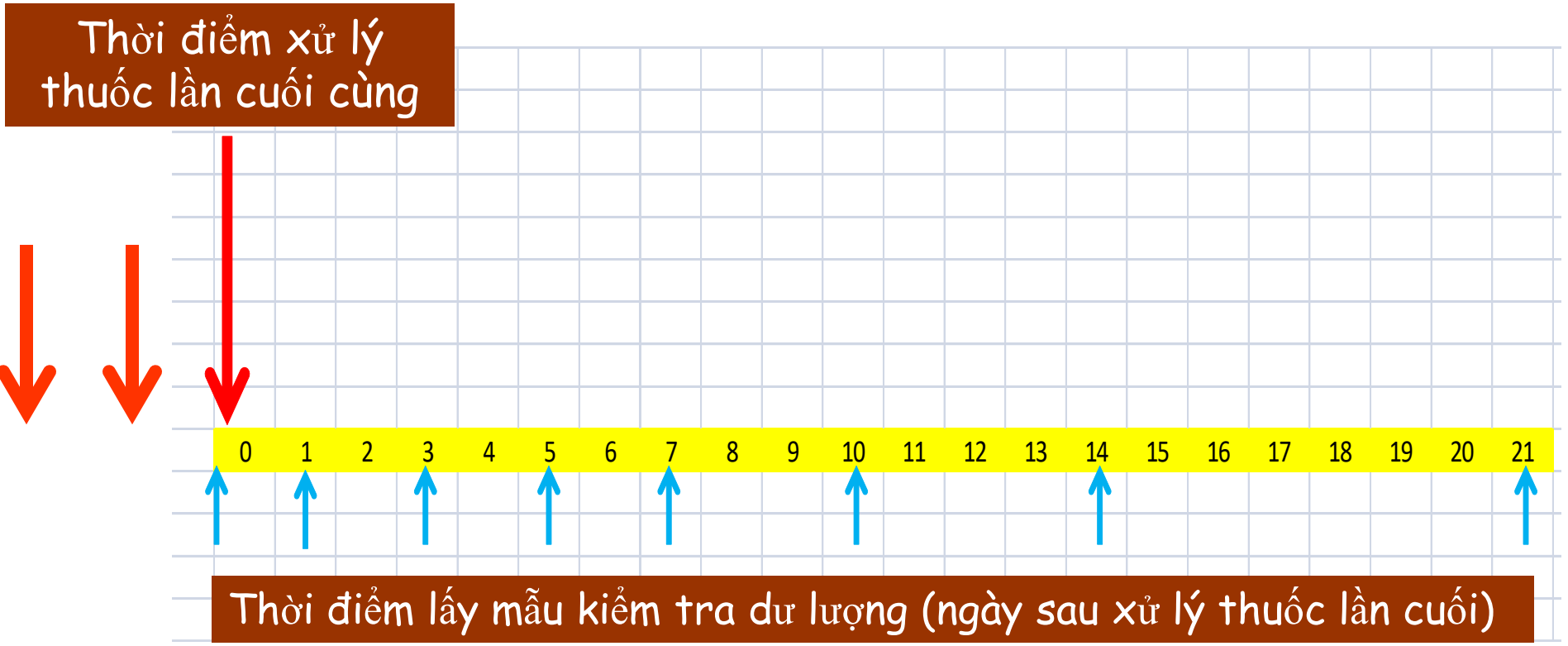

Thời gian cách ly (PHI) sẽ được xác định dựa vào kết quả phân tích dư lượng trong mẫu tại các thời điểm và mức dư lượng tối đa cho phép đã xác định (MRL)

P.H.I. (Thời gian cách ly)

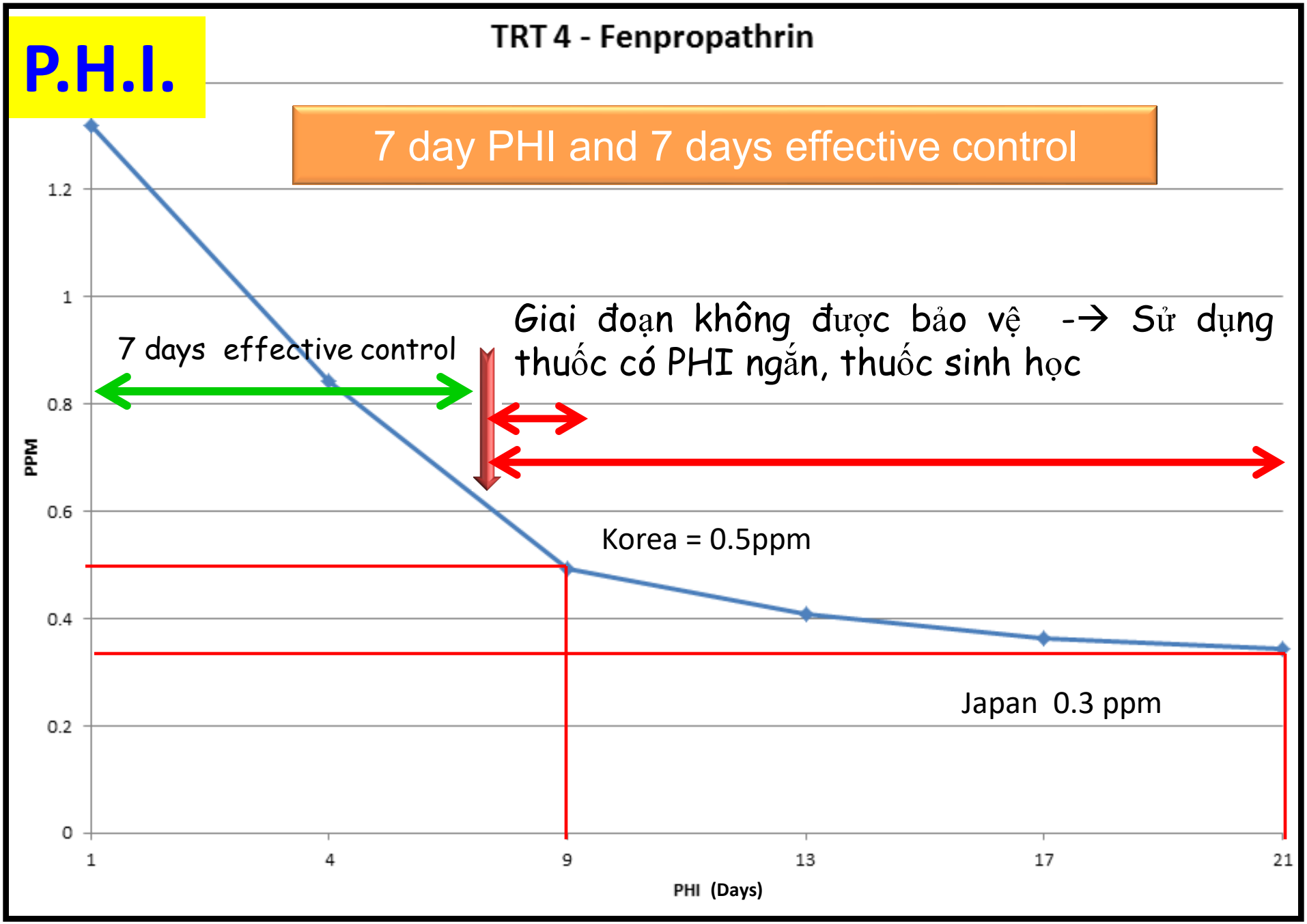

GAP trong việc sử dụng thuốc (FAO 2014):

- chỉ sử dụng thuốc được khuyến cáo chính thức để phòng trừ dịch hại dưới những điều kiện cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả và khả thi.
- bao gồm các mức độ sử dụng khác nhau đến mức tối đa cho phép, được sử dụng theo hướng để lại dư lượng thấp nhất có thể.

- MRL được thiết lập trên cơ cở các thí nghiệm đồng ruộng về dư lượng theo chuẩn GLP
- Dư lượng trong mẫu được phân tích tại PTN chuẩn GLP.
- Dữ liệu được công nhận rộng rãi
- LoD (Limit of detection): Giới hạn phát hiện
- LoQ (Limit of quantification): Giới hạn xác định

Các yếu tố dẫn đến tồn dư lượng trong nông sản

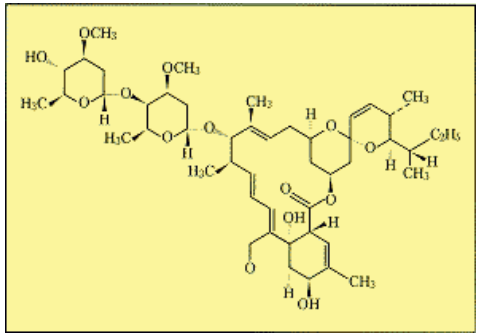

❖ **Đặc tính lý, hóa của thuốc:**

- Bền với các yếu tố môi trường, hạn chế rữa trôi,

❖ **Đặc điểm cây trồng:**

- áp lực sâu bệnh hại
- Pha loãng sinh học

❖ **Yếu tố thời tiết:**

- Nhiệt độ, ẩm độ, lượng mưa

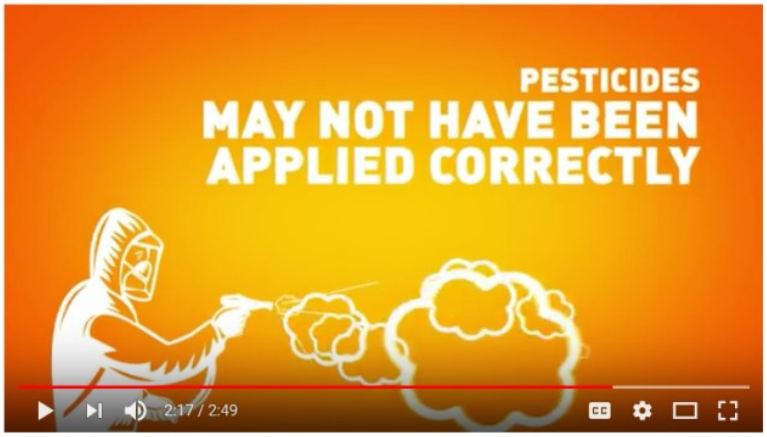

- **Sử dụng thuốc không hợp lý:**
  - Sử dụng thuốc quá liều lượng
  - Phun quá nhiều lần và khoảng cách quá gần nhau.
  - Không đảm bảo thời gian cách ly
  - Quá trình bảo quản

Các giải pháp nhằm giảm nguy cơ dư lượng trong nông sản

1. Nắm vững yêu cầu của nước nhập khẩu về ATTP: MRL/IT

- Theo hoạt chất thuốc
- Theo loại nông sản
- Danh mục thuốc sử dụng tại nước nhập khẩu: Đặc biệt chú ý thuốc cấm sử dụng

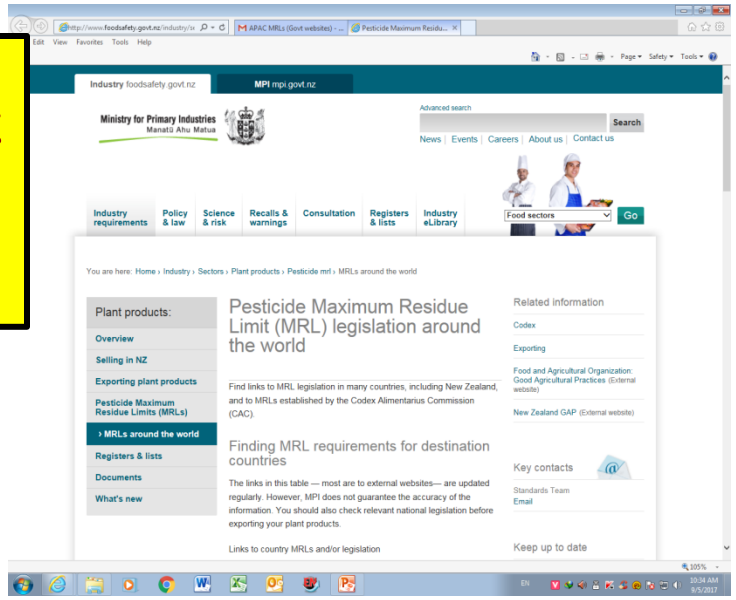

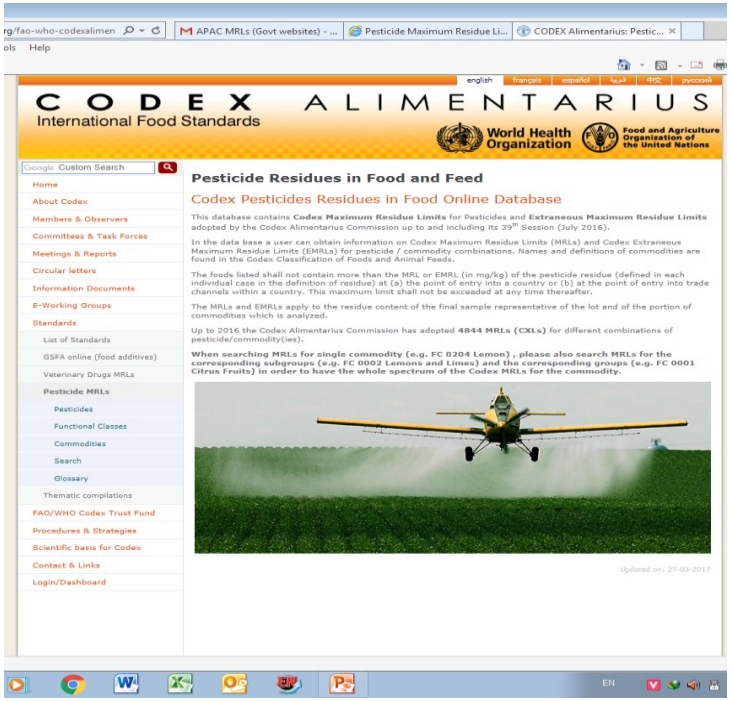

http://www.fao.org/fao-who-codexalimen | APAC MRLs (Govt websites) - ... | Pesticide Maximum Residue Li... | CODEX Alimentarius: Pestic...

File Edit View Favorites Tools Help

Page Safety Tools

english français español العربية 中文 русский

CODEX ALIMENTARIUS
International Food Standards

World Health Organization | Food and Agriculture Organization of the United Nations

Google Custom Search

- Home
- About Codex
- Members & Observers
- Committees & Task Forces
- Meetings & Reports
- Circular letters
- Information Documents
- E-Working Groups
- Standards
  - List of Standards
  - GSFA online (food additives)
  - Veterinary Drugs MRLs
  - Pesticide MRLs
    - Pesticides
    - Functional Classes
    - Commodities
    - Search
    - Glossary
  - Thematic compilations
- FAO/WHO Codex Trust Fund
- Procedures & Strategies
- Scientific basis for Codex
- Contact & Links
- Login/Dashboard

Pesticide Residues in Food and Feed

Codex Pesticides Residues in Food Online Database

This database contains **Codex Maximum Residue Limits** for Pesticides and **Extraneous Maximum Residue Limits** adopted by the Codex Alimentarius Commission up to and including its 39th Session (July 2016).

In the data base a user can obtain information on Codex Maximum Residue Limits (MRLs) and Codex Extraneous Maximum Residue Limits (EMRLs) for pesticide / commodity combinations. Names and definitions of commodities are found in the Codex Classification of Foods and Animal Feeds.

The foods listed shall not contain more than the MRL or EMRL (in mg/kg) of the pesticide residue (defined in each individual case in the definition of residue) at (a) the point of entry into a country or (b) at the point of entry into trade channels within a country. This maximum limit shall not be exceeded at any time thereafter.

The MRLs and EMRLs apply to the residue content of the final sample representative of the lot and of the portion of commodities which is analyzed.

Up to 2016 the Codex Alimentarius Commissi
pesticide/commodity(ies).

**When searching MRLs for single commo
corresponding subgroups (e.g. FC 0002 I
Citrus Fruits) in order to have the whole**

http://www.fao.org/fao-who-codexalimen | APAC MRLs (Govt websites) - ... | Pesticide Maximum Residue Li... | CODEX Alimentarius: Pestic...

File Edit View Favorites Tools Help

Page Safety Tools

english français español 中文

CODEX ALIMENTARIUS
International Food Standards

World Health Organization | Food and Agriculture Organization of the United Nations

Google Custom Search

Pesticides

Home
About Codex
Members & Observers
Committees & Task Forces
Meetings & Reports
Circular letters
Information Documents
E-Working Groups
Standards
List of Standards
GSFA online (food additives)
Veterinary Drugs MRLs
Pesticide MRLs
Pesticides
Functional Classes
Commodities
Search
Glossary
Thematic compilations
FAO/WHO Codex Trust Fund
Procedures & Strategies
Scientific basis for Codex
Contact & Links
Login/Dashboard

Pesticide Residues in Food and Feed

Pesticide Index

This page contains an index of pesticides.
Clicking on a pesticide takes the user to a page with details on acceptable uses of the pesticide.

2
2,4-D - (20)
2-Phenylphenol - (56)

A
Abamectin - (177)
Acephate - (95)
Acetamiprid - (246)
Acetochlor - (280)
Aldicarb - (117)
Aldrin and Dieldrin - (1)
Ametoctradin - (260)
Aminocyclopyrachlor - (272)
Aminopyralid - (220)
Amitraz - (122)
Amitrole - (79)
Azinphos-Methyl - (2)
Azocyclotin - (129)
Azoxystrobin - (229)

B
Benalaxyl - (155)
Bentazone - (172)
Benzovindiflupyr - (261)
Bifenazate - (219)
Bifenthrin - (178)
Bitertanol - (144)
Boscalid - (221)
Bromide Ion - (47)
Bromopropylate - (70)
Buprofezin - (173)

C
Cadusafos - (174)
Captan - (7)
Carbaryl - (8)
Carbendazim - (72)

G
Glufosinate-Ammonium - (175)
Glyphosate - (158)
Guazatine - (114)

H
Haloxyfop - (194)
Heptachlor - (43)
Hexythiazox - (176)
Hydrogen Phosphide - (46)

I
Imazalil - (110)
Imazamox - (276)
Imazapic - (266)
Imazapyr - (267)
Imidacloprid - (206)
Indoxacarb - (216)
Iprodione - (111)
Isopyrazam - (249)
Isoxaflutole - (268)

K
Kresoxim-Methyl - (199)

L
Lindane - (48)
Lufenuron - (286)

M
Malathion - (49)
Maleic Hydrazide - (102)
Mandipropamid - (231)
MCPA - (257)
Meptyldinocap - (244)
Mesotrione - (277)
Metaflumizone - (236)
Metalaxyl - (138)
Methamidophos - (100)

Codex MRL/gạo

GC 0649 - Rice

Pesticide	MRL	Year of Adoption	Symbol
Azoxystrobin	5 mg/Kg	2009	
Chlorantraniliprole	0.4 mg/Kg	2014	
Chlorpyrifos	0.5 mg/Kg	2005	
Clothianidin	0.5 mg/Kg	2012	
Cycloxydim	0.09 mg/Kg	2013	(*)
Cyhalothrin (includes lambda-cyhalothrin)	1 mg/Kg	2009	
Cypermethrins (including alpha- and zeta-cypermethrin)	2 mg/Kg	2009	
Dichlorvos	7 mg/Kg	2013	
Difenoconazole	8 mg/Kg	2018	
Diflubenzuron	0.01 mg/Kg	2004	(*)
Dinotefuran	8 mg/Kg	2013	
Etofenprox	0.01 mg/Kg	2012	(*)
Fipronil	0.01 mg/Kg	2003	
Fluopyram	4 mg/Kg	2018	
Fluxapyroxad	5 mg/Kg	2016	
Glufosinate-Ammonium	0.9 mg/Kg	2013	
Imazamox	0.01 mg/Kg	2015	(*)
Imazapic	0.05 mg/Kg	2014	(*)
Imazethapyr	0.1 mg/Kg	2017	(*)
Paraquat	0.05 mg/Kg	2010	
Quinclorac	10 mg/Kg	2018	
Tebuconazole	1.5 mg/Kg	2012	
Thiacloprid	0.02 mg/Kg	2007	(*)
Trifloxystrobin	5 mg/Kg	2006	
Triflumezopyrim	0.2 mg/Kg	2018	

CLICK HERE TO SUBMIT A SAMPLE

One of these is GMO corn.
Can YOU tell the difference?
YES
NO
We CAN.
Learn more >>

33 As Arsenic 74.9216
EXPANDED ARSENIC TESTING
Learn more >>

Is your orange juice SAFE?
CARBENDAZIM TESTING
2-3 day turnaround

Japan MRL (Maximum Residue Limit) List

On May 29, 2006, Japan's Ministry of Health, Labour and Welfare (MHLW) introduced a "postive list system" for agricultural chemical residues in foods.

Below is a link to the searchable MRL (Maximum Residue Limits) database created by the Japan Food Chemical Research Foundation based on government gazettes and publications from the Japanese Ministry of Health, Labour, and Welfare.

- **Searchable MRL Database - Compositional Specification for Foods**
(MHWL Notification, No. 370, 1959, Amendment No.499 2005; updated periodically)

- Return to Top

Have a question? W
With ISO 17025:200
excellence in analytic
Inc. are always avail
free to contact us M

Related Links:

- Quality Management
- Analytical Service Brochures
- OMIC USA Inc. Blog
- Frequently Asked Questions
- Submit Samples

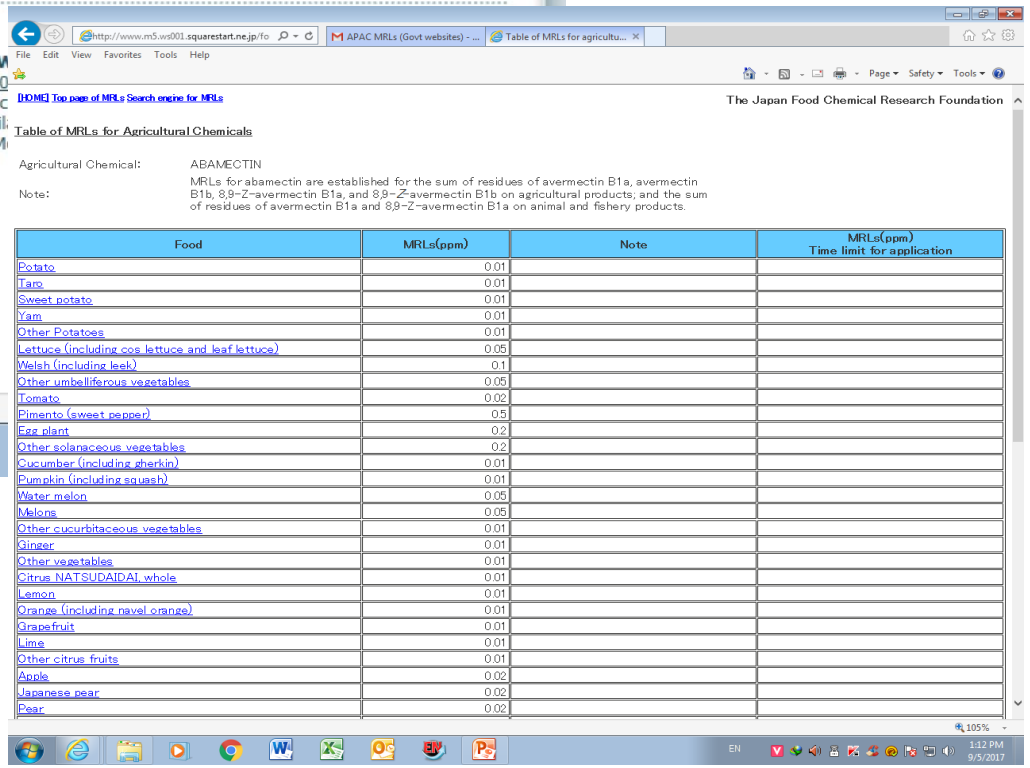

[HOME] Top page of MRLs Search engine for MRLs

The Japan Food Chemical Research Foundation

Table of MRLs for Agricultural Chemicals

Agricultural Chemical: ABAMECTIN

Note: MRLs for abamectin are established for the sum of residues of avermectin B1a, avermectin B1b, 8,9-Z-avermectin B1a, and 8,9-Z-avermectin B1b on agricultural products, and the sum of residues of avermectin B1a and 8,9-Z-avermectin B1a on animal and fishery products.

Food	MRLs(ppm)	Note	MRLs(ppm) Time limit for application
Potato	0.01		
Taro	0.01		
Sweet potato	0.01		
Yam	0.01		
Other Potatoes	0.01		
Lettuce (including cos lettuce and leaf lettuce)	0.05		
Welsh (including leek)	0.1		
Other umbelliferous vegetables	0.05		
Tomato	0.02		
Pimento (sweet pepper)	0.5		
Egg plant	0.2		
Other solanaceous vegetables	0.2		
Cucumber (including gherkin)	0.01		
Pumpkin (including squash)	0.01		
Water melon	0.05		
Melons	0.05		
Other cucurbitaceous vegetables	0.01		
Ginger	0.01		
Other vegetables	0.01		
Citrus NATSUDAIDAI, whole	0.01		
Lemon	0.01		
Orange (including navel orange)	0.01		
Grapefruit	0.01		
Lime	0.01		
Other citrus fruits	0.01		
Apple	0.02		
Japanese pear	0.02		
Pear	0.02		

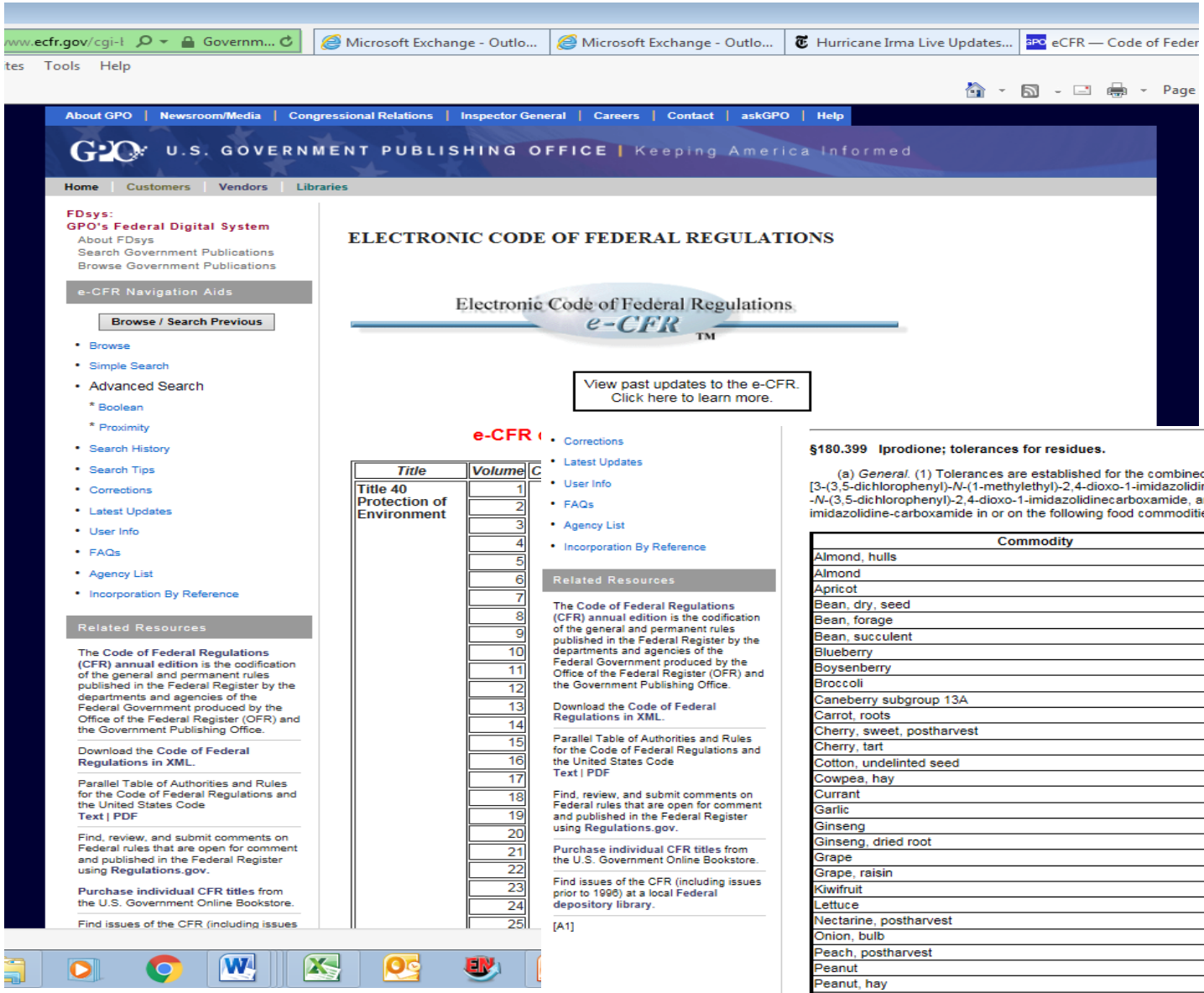

§180.399 Iprodione; tolerances for residues.

(a) *General.* (1) Tolerances are established for the combined residues of the fungicide iprodione [3-(3,5-dichlorophenyl)-*N*-(1-methylethyl)-2,4-dioxo-1-imidazolidinecarboxamide], its isomer 3-(1-methylethyl) -*N*-(3,5-dichlorophenyl)-2,4-dioxo-1-imidazolidinecarboxamide, and its metabolite 3-(3,5-dichlorophenyl)-2,4-dioxo-1-imidazolidine-carboxamide in or on the following food commodities:

Commodity	Parts per million
Almond, hulls	2.0
Almond	0.3
Apricot	20.0
Bean, dry, seed	2.0
Bean, forage	90.0
Bean, succulent	2.0
Blueberry	15.0
Boysenberry	15.0
Broccoli	25.0
Caneberry subgroup 13A	25.0
Carrot, roots	5.0
Cherry, sweet, postharvest	20.0
Cherry, tart	20.0
Cotton, undelinted seed	0.10
Cowpea, hay	90.0
Currant	15.0
Garlic	0.1
Ginseng	2.0
Ginseng, dried root	4.0
Grape	60.0
Grape, raisin	300
Kiwifruit	10.0
Lettuce	25.0
Nectarine, postharvest	20.0
Onion, bulb	0.5
Peach, postharvest	20.0
Peanut	0.5
Peanut, hay	150.0
Plum, postharvest	20.0
Plum, prune	20.0
Potato	0.5
Raspberry	15.0
Rice, bran	30.0
Rice, grain	10.0
Rice, hulls	50.0
Strawberry	15.0

(2) Tolerances are established for the combined residues of iprodione [3-(3,5-dichlorophenyl)-*N*-(1-methylethyl) -2,4-dioxo-1-imidazolidinecarboxamide], its isomer [3-(1-methylethyl)-*N*-(3,5-dichlorophenyl)-2,4-dioxo-1-imidazolidinecarboxamide, and its metabolites [3-(3,5-dichlorophenyl)-2,4-dioxo-1-imidazolidine-carboxamide] and [*N*-(3,5-dichloro-4-hydroxyphenyl)-ureido-carboxamide], all expressed as iprodione equivalents in or on the following food commodities of animal origin:

US MRL/gạo

No	Pesticide	MRL (ppm)
1	2-(Thiocyanomethylthio)benzothiazole	0.1
2	2,4-D	0.5
3	Acetochlor	0.05
4	Azoxystrobin	5
5	Bensulfuron methyl	0.02
6	Bentazon	0.05
7	Bispyribac-sodium	0.02
8	Boscalid	0.2
9	Captan	0.05
10	Carbaryl	15
11	Carbofuran	0.2
12	Carboxin	0.2
13	Carfentrazone-ethyl	1.3
14	Chlorantraniliprole	0.15
15	Chlorpyrifos-methyl	6
16	Clomazone	0.02
17	Clothianidin	0.01
18	Cyhalofop-butyl	0.4
19	Cypermethrin and isomers alpha-cypermethrin and zeta-cypermethrin	1.5
20	Deltamethrin	1

2. Nắm vững dịch hại chính trên cây trồng và biện pháp phòng trừ

- Loại dịch hại, đặc biệt chú ý loại xuất hiện ở giai đoạn cuối
- Biện pháp phòng trừ: tổng hợp các biện pháp, thuốc sinh học cho giai đoạn sắp thu hoạch

Viettel
13:15
35%
Lựa chọn tiêu chí
Cây trồng
Dịch hại
xoài
bọ trĩ
bọ xít
cỏ các loại
cỏ lá tre
cỏ tranh
dòi đục quả
đốm đen vi khuẩn
đốm đen xì mủ
đốm lá
ghẻ loét
gừng
kích thích đậu quả
kích thích ra hoa
kích thích sinh trưởng
kích thích sinh trưởng ra hoa
lông tây
nhện
nhện đỏ
phấn trắng
rầy
rầy bông
rầy chổng cánh
rầy vảy xanh
rầy xanh
rệp
rệp bông
rệp muội
rệp nâu
rệp sáp
rệp vảy
Ruồi đục quả
ruồi hại quả
sâu ăn bông
sâu ăn hoa
Tìm kiếm
sâu đục cuống

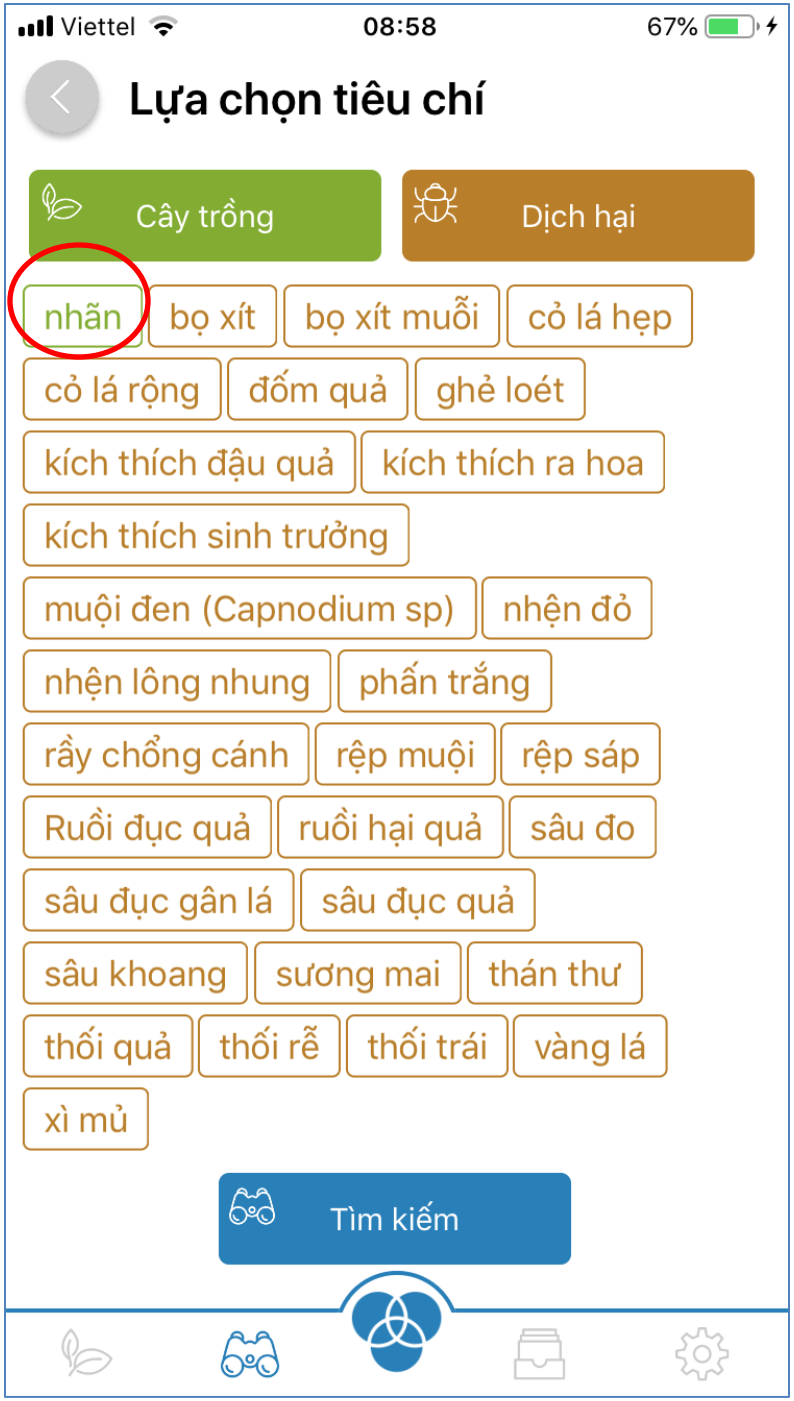
Viettel
08:58
67%
Lựa chọn tiêu chí
Cây trồng
Dịch hại
nhãn
bọ xít
bọ xít muỗi
cỏ lá hẹp
cỏ lá rộng
đốm quả
ghẻ loét
kích thích đậu quả
kích thích ra hoa
kích thích sinh trưởng
muội đen (Capnodium sp)
nhện đỏ
nhện lông nhung
phấn trắng
rầy chổng cánh
rệp muội
rệp sáp
Ruồi đục quả
ruồi hại quả
sâu đo
sâu đục gân lá
sâu đục quả
sâu khoang
sương mai
thán thư
thối quả
thối rễ
thối trái
vàng lá
xì mủ
Tìm kiếm

3. Nắm được danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

Liên tục cập nhật (thuốc cấm, thuốc mới)
(Thông tư 10/2019; sử dụng App)

4. Chọn loại thuốc thích hợp

- Hiệu lực tốt
- Thời gian cách ly ngắn
- Đã có MRL tại nước nhập khẩu (MRL giá trị cao)

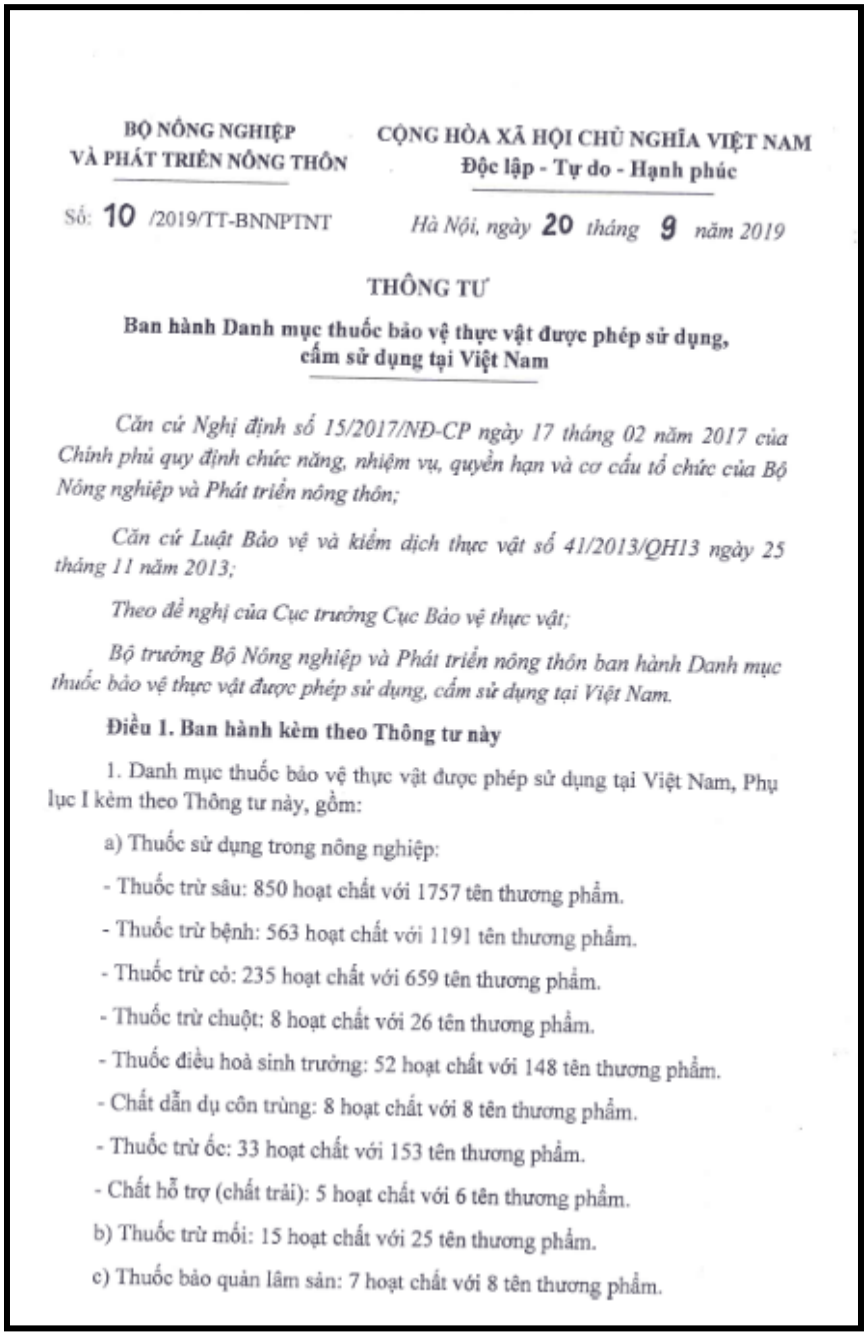

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10 /2019/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Phụ lục I kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 850 hoạt chất với 1757 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 563 hoạt chất với 1191 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 235 hoạt chất với 659 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 8 hoạt chất với 26 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 52 hoạt chất với 148 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 8 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 33 hoạt chất với 153 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trải): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 15 hoạt chất với 25 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 7 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.

App tra cứu danh mục thuốc BVTV tại VN

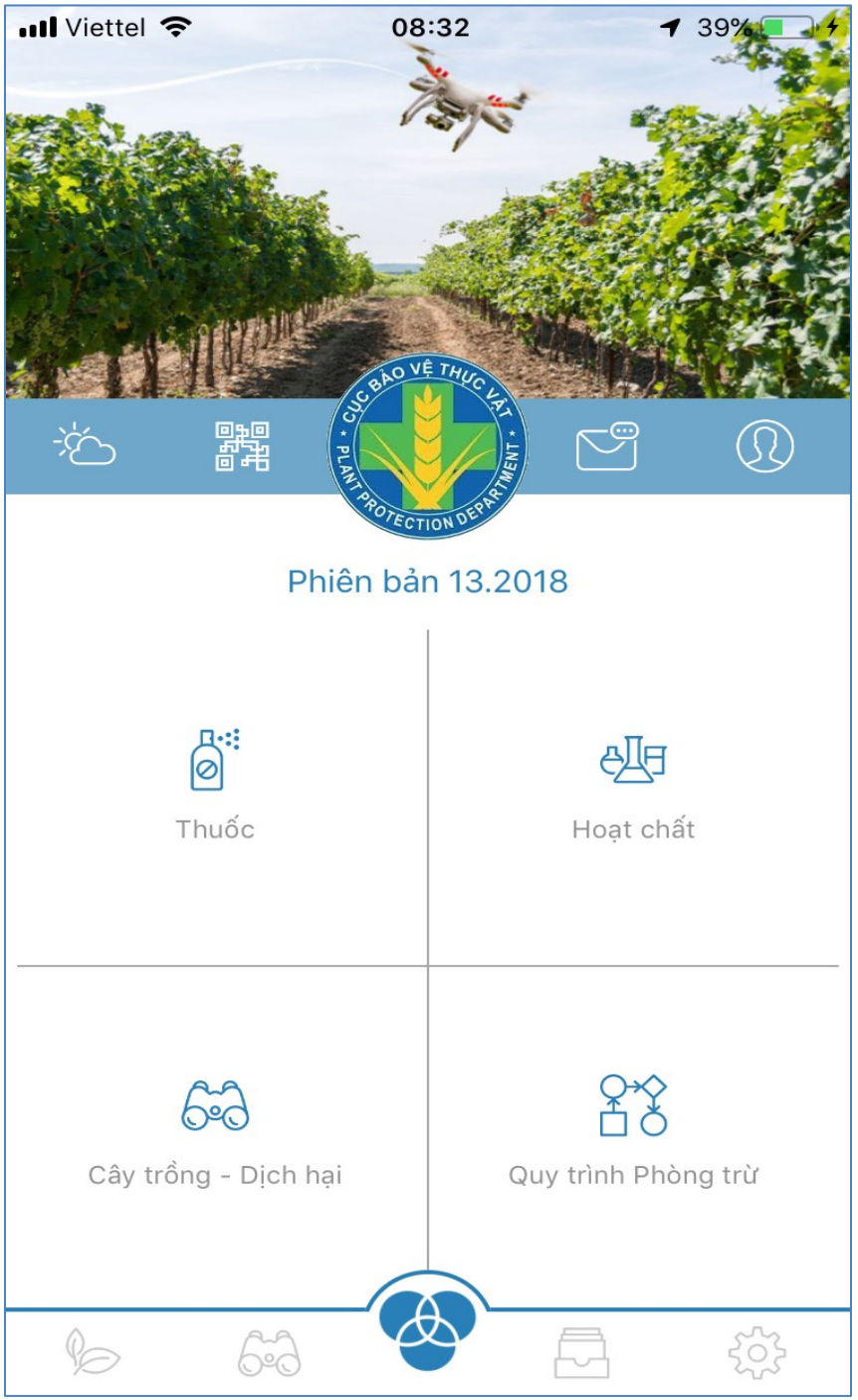

5. Sử dụng thuốc theo GAP

- Đúng liều lượng khuyến cáo
- Đúng số lần phun và khoảng cách giữa các lần phun
- Đảm bảo thời gian cách ly
  - Cần thiết lập PHI nếu chưa có sẵn (phối hợp thực hiện)

6. Giải pháp phi hóa học trong giai đoạn cuối vụ

Hoạt chất sinh học (ly trích từ động, thực vật, vi sinh vật,...)

7. Thiết lập MRL khi chưa có (phối hợp thực hiện)

Đặc biệt đối với cây trồng có tiềm năng xuất khẩu

Ví dụ:
Giải pháp trong sản xuất một số nông sản theo hướng giảm dư lượng, đáp ứng tiêu chuẩn ATTP nội địa và xuất khẩu

VÍ DỤ 1
CÂY XOÀI

Sâu bệnh hại chính trên cây xoài

Bước 1

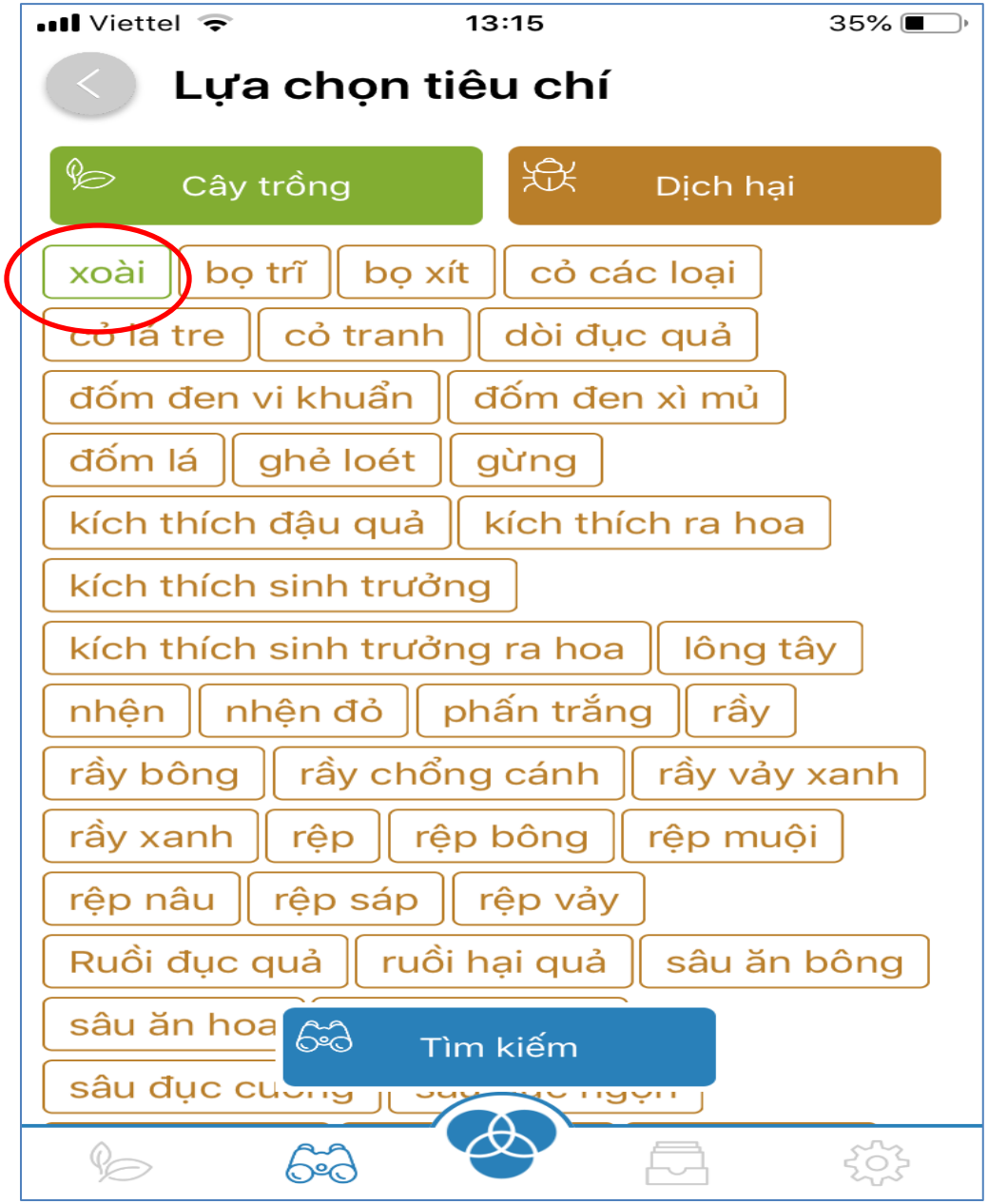

Sâu bệnh hại chính trên cây xoài

Loại sâu bệnh	Tác nhân
Sâu hại	
1. Ruồi vàng, ruồi đục trái	*Bactrocera sp., Bactrocera spp., Bactrocera dorsalis*
2. Câu cấu xanh lớn	*Hypomeces squamesus*
3. Rầy bông xoài	*Idioscopus spp.*
4. Nhện đỏ	*Oligonychus sp.*
5. Rệp dính, rệp vảy	*Saissetia hemisphoerica*
6. Rầy mềm	*Toxoptera sp.*
7. Sâu đục trái, đục hột xoài	*Deanolis albizonalis*
8. Sâu đục cành	*Chlumetia transversa*
9. Bọ cắt lá	*Deporaus marginatus*
10. Bù xè, bọ xén tóc, hại thân cành	*Cerambycid*
11. Bọ đục cành	*Alcicodes sp*
12. Rệp sáp	*Pseudococcus spp*
13. Bọ trĩ, rầy lửa, bù lạch	*Thrips sp.)*
14. Sâu ăn bông	*Thalasodes sp*
Bệnh hại	
1. Thán thư	*Colletotrichum sp.*
2. Nấm hồng	*Corticium salmonicolor*
3. Bồ hóng	*Capnodium sp.*
4. Đốm da ếch vỏ trái	*Chaetothyrium sp.*
5. Xì mủ trái, vi khuẩn	*Xanthomonas campestris pv. Mangiferae*
6. Thối trái, khô đọt	*Diplodia Natalensis*
7. Đốm phấn, phấn trắng	*Oidium sp.*
8. Phấn trắng hại xoài	*Oidium mangiferae Perther*

Bước 2

Danh mục thuốc BVTV đăng ký sử dụng trên XOÀI

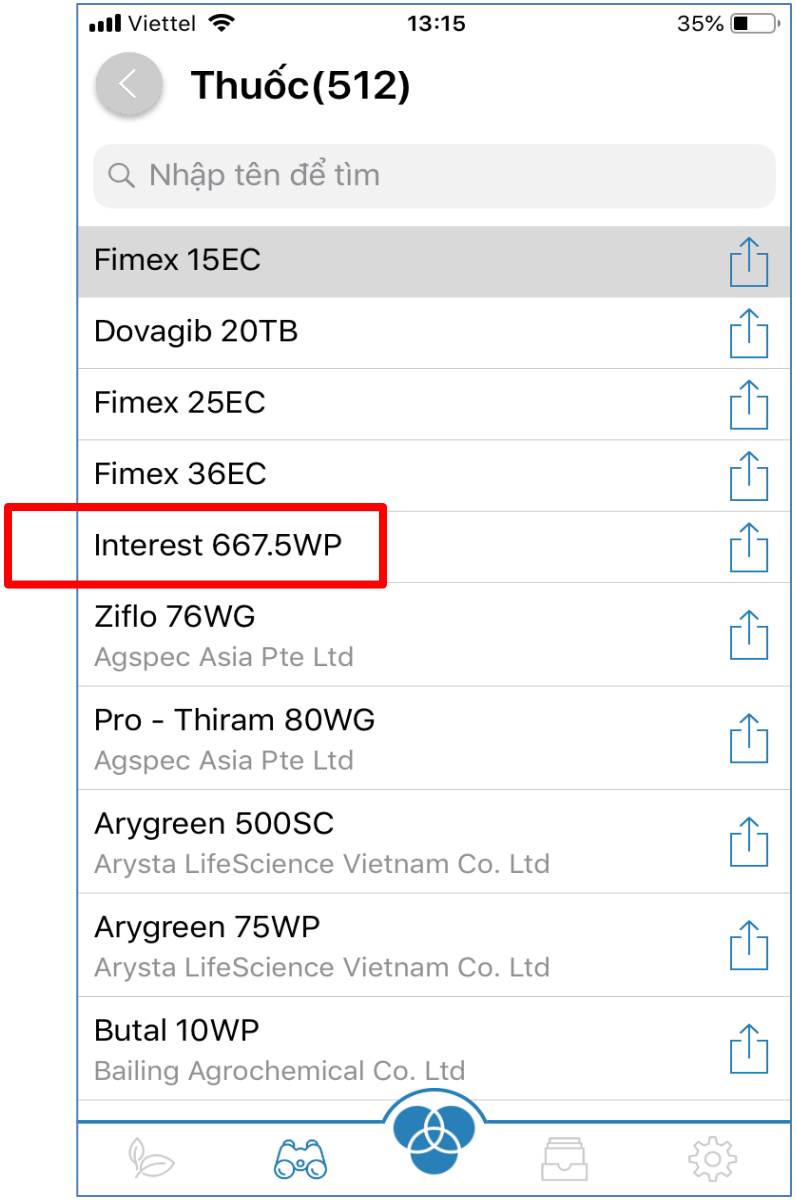

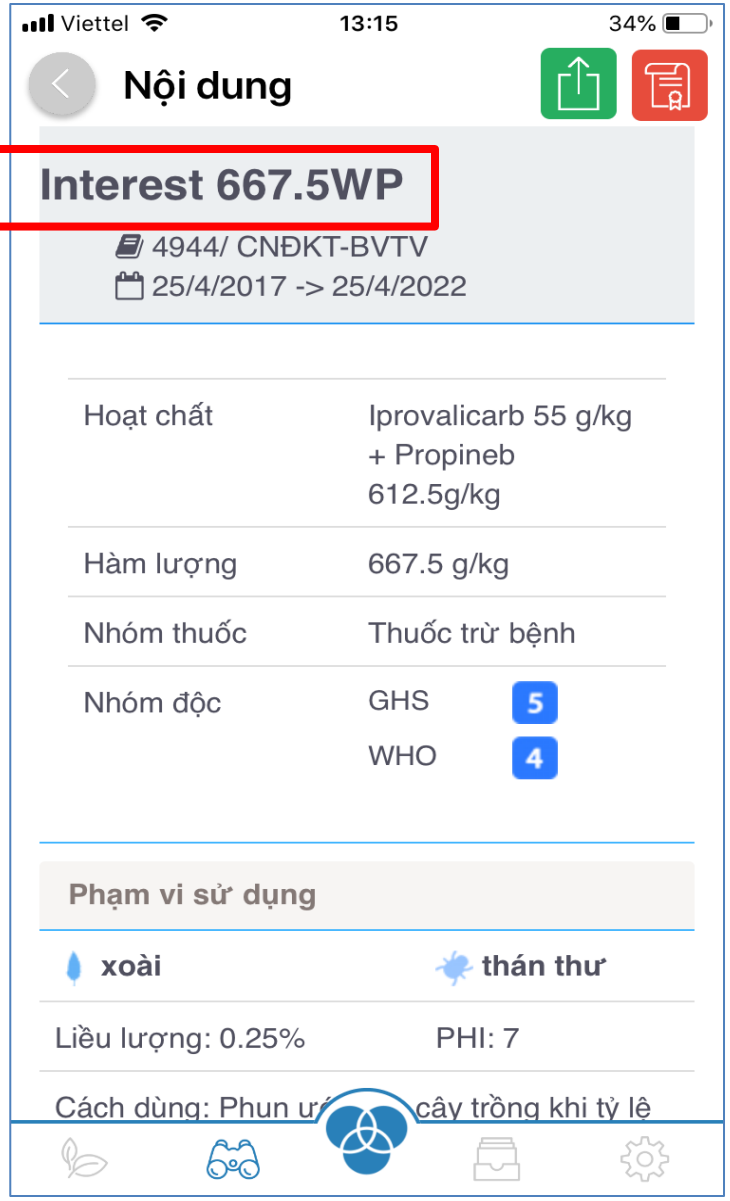

Phạm vi sử dụng

xoài	thán thư
Liều lượng: 0.25%	PHI: 7

Cách dùng: Phun ướt đều cây trồng khi tỷ lệ bệnh khoảng 5%.

Thông tin đăng ký

Đơn vị đăng ký	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
Địa chỉ	
Nhà sản xuất	Yellow River Enterprise Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất	100 Chung Cheng Rd., Hsing Ying City, Taiwan County, Taiwan.

Bước 3

Codex MRL/xoài

Pesticide	MRL
Abamectin	0.01 mg/Kg
Azoxystrobin	0.7 mg/Kg
Buprofezin	0.1 mg/Kg
Carbendazim	5 mg/Kg
Clothianidin	0.04 mg/Kg
Cyhalothrin (includes lambda-cyhalothrin)	0.2 mg/Kg
Cypermethrins (including alpha- and zeta- cypermethrin)	0.7 mg/Kg
Cyromazine	0.5 mg/Kg
Difenoconazole	0.07 mg/Kg
Dimethoate	1 mg/Kg
Dithiocarbamates	2 mg/Kg
Endosulfan	0.5 mg/Kg
Fenvalerate	1.5 mg/Kg
Fludioxonil	2 mg/Kg
Fluopyram	1 mg/Kg
Imidacloprid	0.2 mg/Kg
Profenofos	0.2 mg/Kg
Pyraclostrobin	0.05 mg/Kg
Spinetoram	0.01 mg/Kg
Spirotetramat	0.3 mg/Kg
Tebuconazole	0.05 mg/Kg
Thiabendazole	5 mg/Kg
Thiamethoxam	0.2 mg/Kg

Bước 4

Nguyên tắc chọn thuốc

- Chỉ sử dụng thuốc đã có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng trên cây xoài tại VN,
- Khi phải sử dụng thuốc để phòng trừ dịch hại ở giai đoạn sắp thu hoạch (vd ruồi đục quả, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh thán thư, thối quả, ...): Ưu tiên chọn thuốc đã có quy định về MRL của nước nhập khẩu, có thời gian cách ly ngắn.
- Tuân thủ đúng khuyến cáo của nhà sản xuất (liều lượng, số lần phun, thời gian cách ly,..)

VÍ DỤ 3

CÂY LÚA

Bước 1

Sâu hại chính trên lúa

	Loài sâu hại	**Tên khoa học**
1	Rầy nâu	*Nilaparvata lugens*
2	Sâu cuốn lá	*Cnapalocrocis medinalis*
3	Sâu đục thân	*Chilo polychrysus,* main species
4	Rầy lưng trắng	*Sogatella furcifera*
5	Bọ xít*	*Leptocorisa oratorius*
6	Nhện gié*	*Steneotarsonemus spinki* Smiley
7	Sâu phao	*Nymphula depunctalis*
8	Rầy xanh	*Nephotettix virescens*
9	The Malayan black bug	*Scotinophora coarctata*

(*) Loài gây hại chủ yếu giai đoạn cuối

Bệnh hại chính trên lúa

	Loại bệnh	**Tác nhân**
1	Đạo ôn (leaf and collar)*	*Magnaporthe grisea*
2	Lem lép hạt*	*Alternaria padwickii, Bipolaris oryzae, Fusarium* sp, *Curvularia lunata, Microdochium oryzae, Phoma* sp, *Pyricularia oryzae, Septoria* sp, *Tilletia barclayana, Ustilagonoides virens*...
3	Đốm nâu	*Cochiobolus miyabeanus*
4	Cháy lá vi khuẩn	*Xanthominan campestris* pv. oryzicola
5	Khô vằn	*Rhizoctonia solani*
6	Cháy lá	*Xanthomonan campestris* pv. oryzae
7	Thối thân	*Sclerotium oryzae*
8	Thối gốc	*Fusarium moniliforme*
9	Tungro	Rice tungro virus
10	Vàng lùn	Rice grassy stunt virus (RGSV)
11	Tuyến trùng	*Meloidogyne spp.*

(*) Loài gây hại chủ yếu giai đoạn cuối

Bước 2

Danh mục thuốc BVTV đăng ký sử dụng trên LÚA

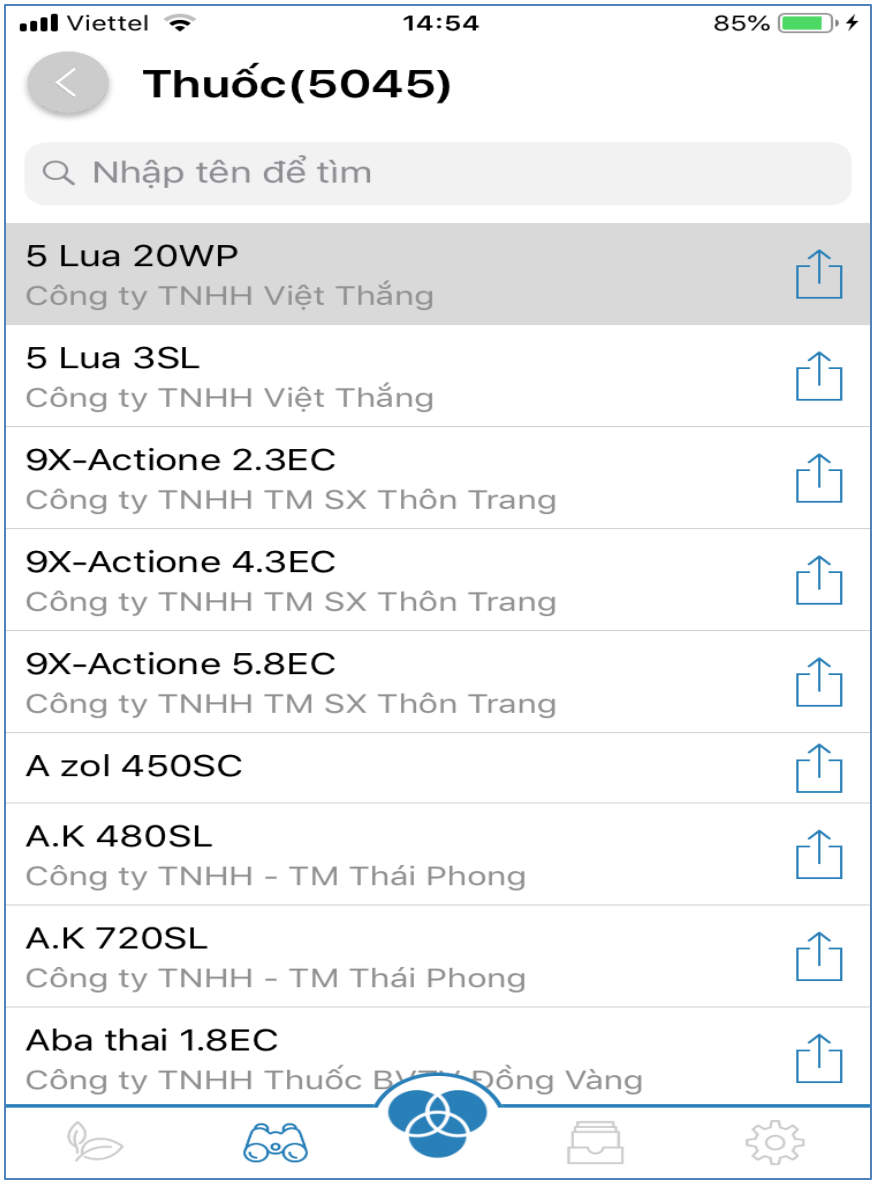

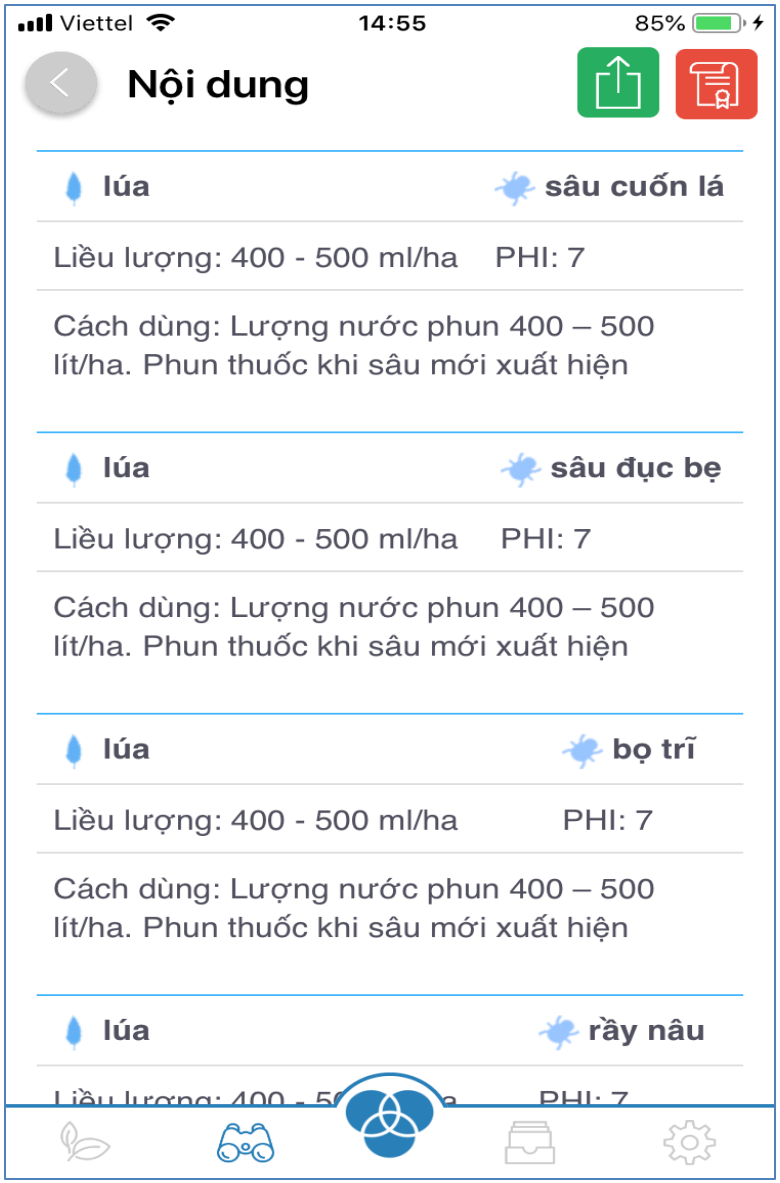

Cách dùng: Lượng nước phun 400 – 500 lít/ha. Phun thuốc khi sâu mới xuất hiện

Thông tin đăng ký

Đơn vị đăng ký	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
Địa chỉ	Số 21 đường 11 KDC Bình Trị Đông B Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh
Nhà sản xuất	Emamectin benzoate: Jiangsu Shengda Chemical Co., Ltd. + Matrine: Wuxi Ruize Pesticide Co., Ltd.
Địa chỉ sản xuất	Mingqi, Wentang, Jiangsu, P.R.China. + 354 North Street, Yunting Town, Jiangyin, Jiangsu 214422, China.

Bước 3

Codex MRL/gạo

GC 0649 - Rice

Pesticide	MRL	Year of Adoption	Symbol
Azoxystrobin	5 mg/Kg	2009	
Chlorantraniliprole	0.4 mg/Kg	2014	
Chlorpyrifos	0.5 mg/Kg	2005	
Clothianidin	0.5 mg/Kg	2012	
Cycloxydim	0.09 mg/Kg	2013	(*)
Cyhalothrin (includes lambda-cyhalothrin)	1 mg/Kg	2009	
Cypermethrins (including alpha- and zeta-cypermethrin)	2 mg/Kg	2009	
Dichlorvos	7 mg/Kg	2013	
Difenoconazole	8 mg/Kg	2018	
Diflubenzuron	0.01 mg/Kg	2004	(*)
Dinotefuran	8 mg/Kg	2013	
Etofenprox	0.01 mg/Kg	2012	(*)
Fipronil	0.01 mg/Kg	2003	
Fluopyram	4 mg/Kg	2018	
Fluxapyroxad	5 mg/Kg	2016	
Glufosinate-Ammonium	0.9 mg/Kg	2013	
Imazamox	0.01 mg/Kg	2015	(*)
Imazapic	0.05 mg/Kg	2014	(*)
Imazethapyr	0.1 mg/Kg	2017	(*)
Paraquat	0.05 mg/Kg	2010	
Quinclorac	10 mg/Kg	2018	
Tebuconazole	1.5 mg/Kg	2012	
Thiacloprid	0.02 mg/Kg	2007	(*)
Trifloxystrobin	5 mg/Kg	2006	
Triflumezopyrim	0.2 mg/Kg	2018	

US MRL/gạo

No	Pesticide	MRL (ppm)
1	2-(Thiocyanomethylthio)benzothiazole	0.1
2	2,4-D	0.5
3	Acetochlor	0.05
4	Azoxystrobin	5
5	Bensulfuron methyl	0.02
6	Bentazon	0.05
7	Bispyribac-sodium	0.02
8	Boscalid	0.2
9	Captan	0.05
10	Carbaryl	15
11	Carbofuran	0.2
12	Carboxin	0.2
13	Carfentrazone-ethyl	1.3
14	Chlorantraniliprole	0.15
15	Chlorpyrifos-methyl	6
16	Clomazone	0.02
17	Clothianidin	0.01
18	Cyhalofop-butyl	0.4
19	Cypermethrin and isomers alpha-cypermethrin and zeta-cypermethrin	1.5
20	Deltamethrin	1

Bước 4

Nguyên tắc chọn thuốc

- Chỉ sử dụng thuốc đã có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng trên cây lúa tại VN,
- Khi phải sử dụng thuốc để phòng trừ dịch hại ở giai đoạn sắp thu hoạch (vd lem lép hạt, đạo ôn cổ bông, bọ xít hôi, ….): Ưu tiên chọn thuốc đã có quy định về MRL của nước nhập khẩu, có thời gian cách ly ngắn.
- Tuân thủ đúng khuyến cáo của nhà sản xuất (liều lượng, số lần phun, thời gian cách ly,..)

	Hoạt chất	US MRL	Tình trạng đăng ký tại VN	Mục đích sử dụng	Thời gian sử dụng
1	2,4 D*	x	X	Cỏ	Gđ Khi lúa 5 lá
2	Abamecti		X	sâu cuốn lá	lúa sau trổ
3	Acephate		X	Sâu cuốn lá	Gđ Đòng - Trổ
4	Acetamiprid		X	Rầy nâu	Các giai đoạn
5	Alpha cypermethrin		X	Bọ xít hôi	Gđ Trổ
6	Azoxystrobin	x	X	Lem lep hạt, đạo ôn, vàng lá	Trổ lẹt xẹt, trổ đều
7	Bismerthiazo		X	vi khuẩn	lúa sau trổ
8	Bispyribac-sodium	x	X	Cỏ	Gđ Khi lúa 5 lá
9	Bronopo		X	vi khuẩn	lúa sau trổ
10	Buprofezin		X	Rầy nâu	Đòng – trổ
11	Carbendazim *		X	Lem lép hạt	Lúa sắp trổ và trổ đều
12	Carbosulfan *		X	Rầy nâu, sâu đục thân	Khi rầy tuổi nhỏ
13	Cartap	x	X	Sâu đục thân	40-45 NSS
15	Chlorantraniliprole	x	X	Sâu cuốn lá, sâu đục thân	
16	Chlorfenapyr		X	Sâu cuốn lá	Gđ đẻ nhánh
17	Chlorfluazuron		X		
18	Chlorpyrifos Ethyl		X	Sâu đục thân	45-50 NSS
19	Cholorantraniliprole		X	Sâu cuốn lá	đòng- trổ
20	Cypermethrin	x	X	Sâu cuốn lá, sâu đục thân	Đòng – trổ
21	Diazinon		X	Sâu đục thân	30,45 NSS.
22	Difenoconazole		X		
23	Dimethoate		X	Sâu đục thân	30,45 NSS.
24	Dinotefuran	x	X		
25	Emamectin benzoat		X	sâu cuốn lá	lúa sau trổ
26	Ethoxysulfuron		X	Cỏ	Gđ Khi lúa 5 lá
27	Fenobucarb		X	rầy nâu	lúa sau trổ
28	Fenoxanil		X	Đạo ôn	Trổ
29	Fipronil		X		
30	Flubendiamide		X	Sâu cuốn lá	62 - 75

(*) Cấm sử dụng ở VN

DANH SÁCH HOẠT CHẤT TRỪ BỆNH CÓ QUY ĐỊNH MRL/TOLERANCE TẠI HOA KỲ TRÊN GẠO VÀ ĐÃ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG (TRÊN LÚA VÀ CÓ US MRL > 0.05) TẠI VIỆT NAM						
No	Hoạt chất	Loại nông sản	Mức MRL (ppm)	Loại thuốc	Đăng ký tại VN	Ghi chú
4	Azoxystrobin	Rice, grain	5	B	x	
44	Iprodione	Rice, grain	10	B	x	
49	Metalaxyl	Grain, cereal, group 15, except barley, oat and wheat	0.1	B	x	
61	Propiconazole	Rice, grain	7	B	x	
77	Tricyclazole	Rice, grain[1]	3	B	x	
78	Trifloxystrobin	Rice, grain	3.5	B	x	

DANH SÁCH HOẠT CHẤT TRỪ SÂU CÓ QUY ĐỊNH MRL/TOLERANCE TẠI HOA KỲ TRÊN GẠO VÀ ĐÃ CÓ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG (TRÊN LÚA VÀ CÓ US MRL > 0.05) TẠI VIỆT NAM						
No	Hoạt chất	Loại nông sản	Mức MRL (ppm)	Loại thuốc	Đăng ký tại VN	Ghi chú
10	Carbaryl	Rice, grain	15	S	x	
14	Chlorantraniliprole	Rice, grain	0.15	S	x	
15	Chlorpyrifos-methyl	Rice, grain	6	S	x	
19	Cypermethrin and isomers alpha-cypermethrin and zeta-cypermethrin	Rice, grain	1.5	s	x	
20	Deltamethrin	Grain, cereal, Group 15, except sweet corn	1	S	x	
23	Dinotefuran	Rice, grain	9	S	x	
26	Ethiprole	Rice, grain[1]	1.7	S	x	
46	Lambda-cyhalothrin and an isomer gamma-cyhalothrin	Rice, grain	1	S	x	
63	Pyrethrins	Rice, grain, postharvest	3	S	x	
64	Pyriproxyfen	Grain, cereal, group 15	1.1	S	x	
69	Spinosad	Grain, cereal, group 15	1.5	S	x	

DANH SÁCH HOẠT CHẤT TRỪ CỎ CÓ QUY ĐỊNH MRL/TOLERANCE TẠI HOA KỲ TRÊN GẠO VÀ ĐÃ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG (TRÊN LÚA VÀ CÓ US MRL > 0.05) TẠI VIỆT NAM

No	Hoạt chất	Loại nông sản	Mức MRL (ppm)	Loại thuốc	Đăng ký tại VN	Ghi chú
18	Cyhalofop-butyl	Rice, grain	0.4	C	x	
38	Glyphosate	Rice, grain	0.1	C	x	
52	Metolachlor	Rice, grain	0.1	C	x	
55	Pendimethalin	Rice, grain	0.1	C	x	
60	Propanil	Rice, grain	10	C	x	
65	Quinclorac	Rice, grain	5	C	x	
74	Thiobencarb	Rice, grain	0.2	C	x	
76	Triclopyr	Rice, grain	0.3	C	x	

ÁP DỤNG TƯƠNG TỰ NGUYÊN TẮT NÀY CHO CÁC LOẠI NÔNG SẢN KHÁC:

- Cây lương thực
- Rau
- Cây ăn quả
- Cây công nghiệp

Nguyên tắc chọn thuốc nhằm giảm nguy cơ vượt ngưỡng dư lượng

- **Ưu tiên chọn hoạt chất đã thiết lập MRL**
  - Tuân thủ PHI (nếu có) để dư lượng ≤ MRL
  - Thuốc có PHI ngắn
  - Thiết lập PHI (nếu chưa có)
- **Đối với hoạt chất không có MRL**
  - Có thể sử dụng giai đoạn đầu vụ
  - Tránh sử dụng vào cuối vụ
  - Thay thế bằng các sp sinh học vào cuối vụ
  - Thiết lập MRLs

Website tra cứu nhanh Danh mục thuốc BVTV

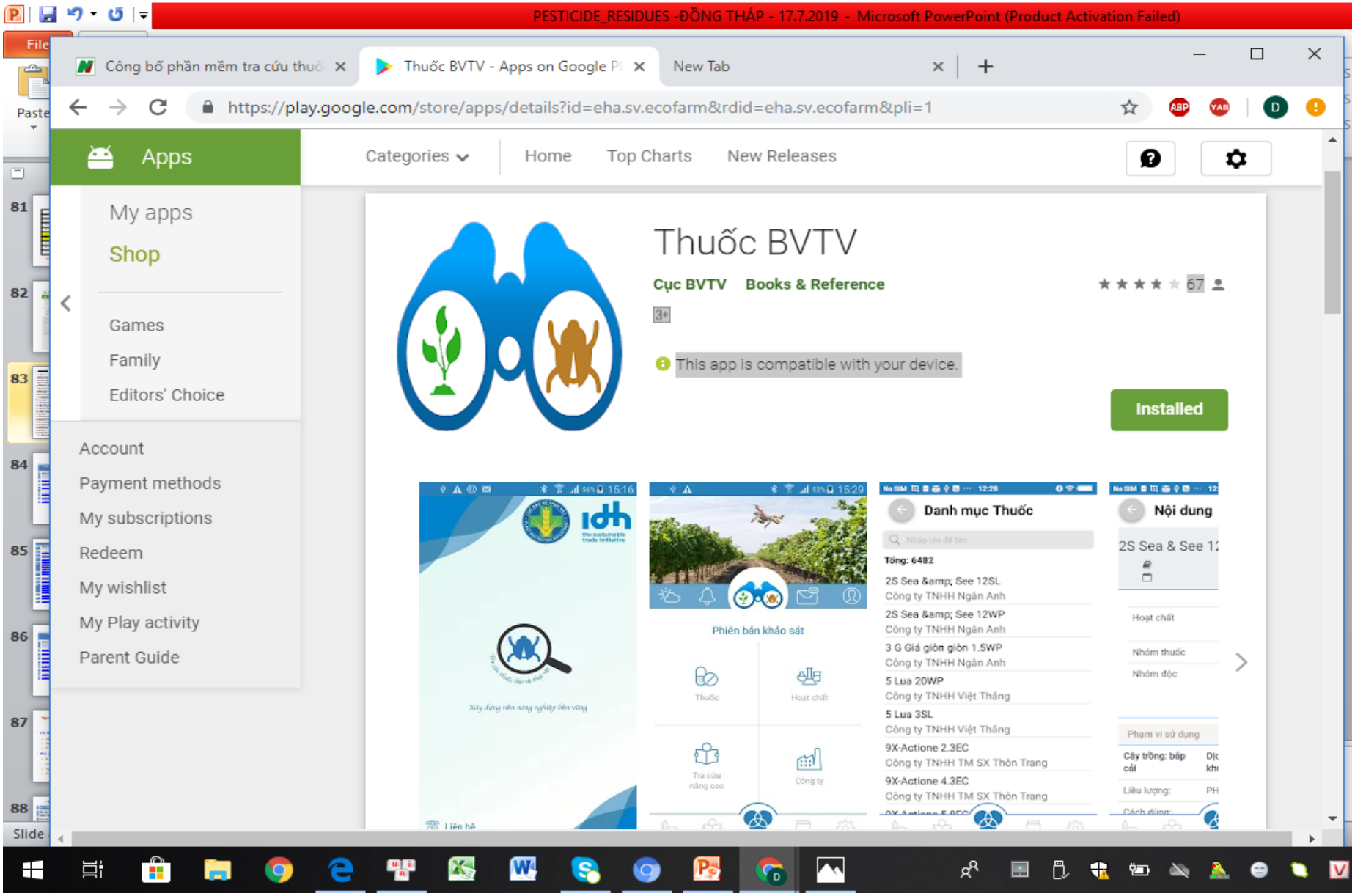

Phương pháp lấy mẫu phân tích dư lượng thuốc

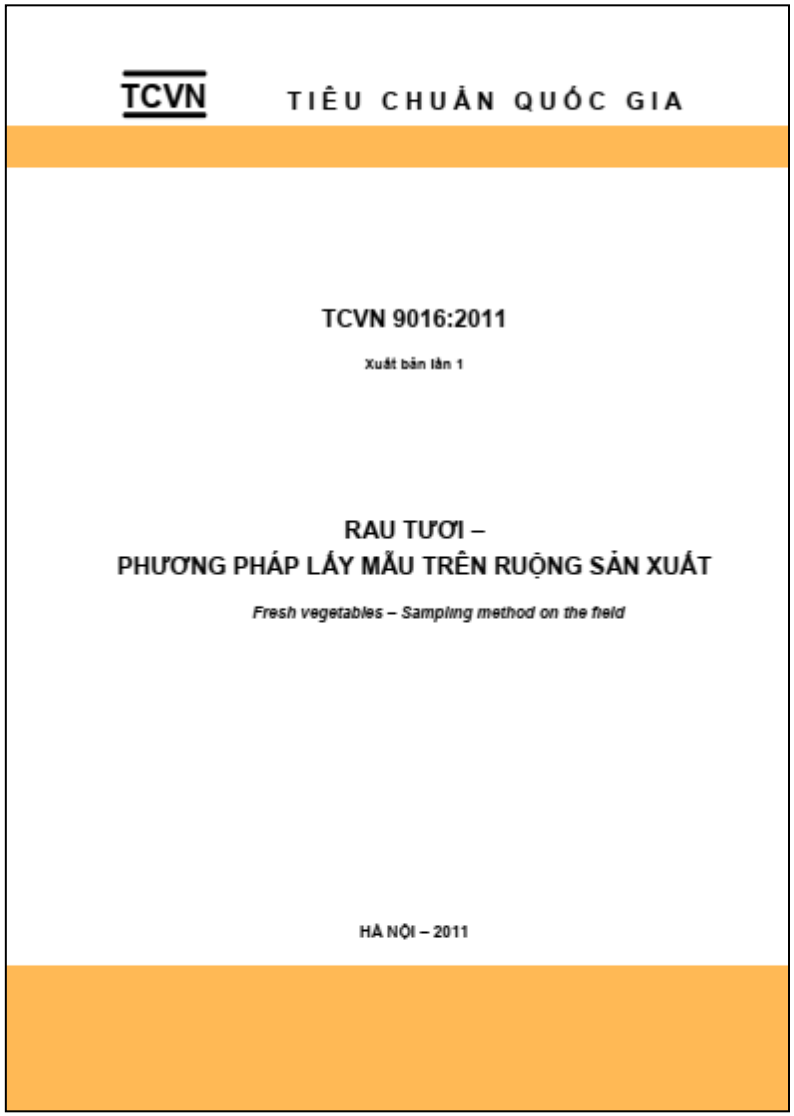

TCVN TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 9016:2011

Xuất bản lần 1

RAU TƯƠI –
PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU TRÊN RUỘNG SẢN XUẤT

Fresh vegetables – Sampling method on the field

HÀ NỘI – 2011

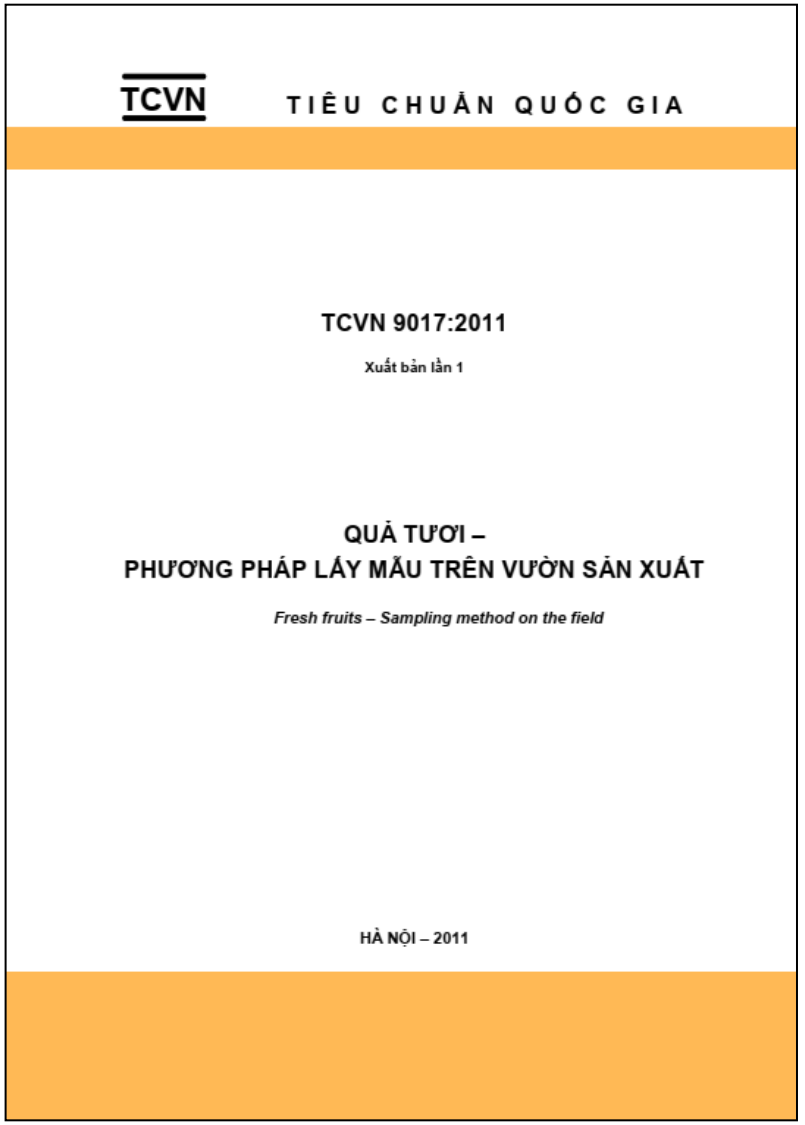

TCVN TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 9017:2011

Xuất bản lần 1

QUẢ TƯƠI –
PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU TRÊN VƯỜN SẢN XUẤT

Fresh fruits – Sampling method on the field

HÀ NỘI – 2011

Liên kết thực hiện nhằm giảm dư lượng thuốc BVTV trong nông sản

	Loại thông tin/nhiệm vụ
1	Yêu cầu dư lượng từ nước nhập khẩu (MRL/Tolerances)
2	Dịch hại chính và biện pháp phòng trừ (đặc biệt ở giai đoạn sắp thu hoạch)
4	Danh mục thuốc BVTV cho phép sử dụng tại VN.
5	Thời gian cách ly
6	Biện pháp sinh học thay thế trong khoảng thời gian cách ly
7	Thiết lập MRLs/Tolerance

Năng lực nghiên cứu về dư lượng thuốc BVTV trong nông sản tại Cục BVTV

Những hoạt động liên quan đến vấn đề dư lượng thuốc BVTV tại PPD

- Chương trình kiểm tra ATTP (hàng nhập khẩu).
  - Vùng 1 (TQ, Ấn Độ, Thái Lan); Vùng 2 (Mỹ, Úc , Bỉ EU, Singapore, Korea,…); vùng 3 (Indonesia, Nam Phi, Nam Mỹ.)
- Chương trình giám sát ATTP nông sản sản xuất trong nước (hồ tiêu, gạo, xoài, thanh long)(tiêu thụ trong nước và xuất khẩu).
  - Tại vùng sản xuất chính
- Chương trình điều tra cơ bản về sử dụng thuốc và dư lượng thuốc/hồ tiêu.
  - Tây nguyên; ĐNB; Bắc Trung bộ
- Mẫu giám sát ATTP từ các chương trình địa phương
- Mẫu kiểm định dư lượng từ các tổ chức, cá nhân xuất khẩu (hồ tiêu, gạo, CAQ,…)

Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu về dư lượng thuốc

- Xây dựng dữ liệu dư lượng thuốc trừ bệnh/thanh long nhằm trình thiết lập Codex MRL (hợp tác với IR-4, USDA, Indonesia)

- Xây dựng dữ liệu dư lượng thuốc trừ cỏ/lúa gạo (hợp tác với Eurofins, Đức)

- Xây dựng dữ liệu dư lượng thuốc trừ bệnh/thanh long (hợp tác với Kaken, Nhật Bản)

ASEAN-WTO Pesticide Residue Data Generation Project

Magnitude of Azoxystrobin and Difenoconazole Residues in Dragon fruit

Trial ID: 10993.14-VN01 (Vietnam)

Ton Thanh Tung[1] and Michael Braverman[2]

[1]Southern Pesticide Control and Testing Center – PRQ Vietnam. [2]IR-4 Project, Rutgers, the State University of New Jersey

E-mail: tungtt.bvtv@mard.gov.vn

OBJECTIVES OF THE STUDY

Magnitude of residue field trials were conducted in Binh Thuan province, Viet Nam to collect treated and untreated residue samples in dragon fruit. The trials were managed by the Plant Protection Department (PPD), Ministry of Agriculture and Rural Development, Viet Nam to generate samples for analysis of residues of Azoxystrobin and Difenoconazole on dragon fruit. The trial was covered under a Protocol signed by Indonesia (as the lead country of the Study) and guided by the Study Director (Dr. Michael Braverman, IR-4). All activities were conducted based on the appropriate Standard Operating Procedures (SOPs) and in accordance with EPA's Good Laboratory Practices as well as consistent with the provisions outlined in the OECD Series on Principles of Good Laboratory Practice and Compliance Monitoring. The study was conducted from November 2014 to February 2015 and financially supported by the ASEAN-WTO Pesticide Residue Data Generation Project Fund, managed by the ASEAN Secretariat. In cooperation with Indonesia, the data will be submitted to JMPR to develop a new CODEX MRL.

MAIN ACTIVITIES:

1. **TRAININGS** (Nov. 2014) : Prior to the conduct of the actual field residue trial, local staff were trained by Dr. Michael Braverman, IR-4 on:
   - Good laboratory practices (GLP) training program in field residue studies(10 participants -field trial staff).
   - Good laboratory practices (GLP) Sample Processing Training (7 participants -lab staff).

Field and lab trainings

2. **FIELD RESIDUE TRIAL (non-decline study):**

Trial site information: Location: 10°50'N; 107°55'E, coastal area; soil type: Acrisols, sandy loam.

Test system: Dragon fruit (white flesh variety - commercial variety), 3 years old.

Application Treatments : 1/ Untreated plot: 16.98 x 5.7m (12 trees); 2/ Treated plot: 33.88 x 11.26m (48 trees). Amistar Top 325 SC 756 ml/ha, equal to 151g azoxystrobin + 94g difenoconazole per hectare. GLP test substance and standards, provided by Syngenta.

Application method: Foliar directed application using power knapsack sprayer with electric pump (FST-16D).

Application timing: Three foliar applications of Amistar Top at 10 day intervals: at 20 days, 10 and 0 days prior to harvest.

Field site

Pesticide application in progress

Field research team

Application outcomes:

1st **application:** Actual amount of test substance/ha = 747.2886 ml/ha, ~ % target rate = **98.85%.**

2nd **application:** Actual amount of test substance/ha = 761.7032 ml/ha; ~ % target rate = **100.75%.**

3rd **application:** Actual amount of test substance/ha = 770.9550 ml/ha; ~ % target rate = **101.98%.**

3. **RESIDUE SAMPLE COLLECTION (non-decline study):**

Time of sampling and amount of samples: Samples were collected at -1, 0, 1, and 7 days after last application. Two samples from each plot were collected in a manner to assure an impartial sample that represents the entire plot. Each sample consisted of 12 marketable fruits defined as being between 70-100% ripeness. Samples were stored in sampling bags provided by IR-4 and kept in cool box using wet ice and gel packs and shipped to the lab within 4 hours before being processed in lab. An additional set of samples were also collected to serve as a back-up.

Sample collection

4. **RESIDUE SAMPLE PROCESSING AND SHIPPING:**

At the time of arrival in the lab, the samples were processed to prepare frozen ground samples before shipping to Indonesia for lab analysis. Sample processing was carried out under frozen conditions using dry ice and stored in the freezer at < -20°C to ensure the integrity of the samples. The total of 10 samples from the field trial (02 untreated and 08 treated) were prepared and shipped to the Indonesian lab. All samples were confirmed to be frozen on arrival in Indonesia with their integrity maintained. The samples are ready for residue analysis.

Weighing samples

Cutting before grinding with dry ice

Shipping ground samples

Sample processing

Kế hoạch sắp tới

- Nâng cao năng lực kiểm định dư lượng (chuẩn quốc tế).
- Xây dựng phương pháp phân tích đa dư lượng chính xác, nhanh chóng với chi phí hợp lý
- Tiếp tục tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo (PT) với các tổ chức QT (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản)
- Tiếp tục hợp tác xây dựng cơ sở dữ liệu dư lượng thiết lập MRL.
- Thông qua các chương trình giám sát ATTP để phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu cảnh báo và các giải pháp điều chỉnh kịp thời.
- Phối hợp xây dựng các quy trình sử dụng thuốc hợp lý nhằm giảm thiểu nguy cơ tồn dư thuốc BVTV
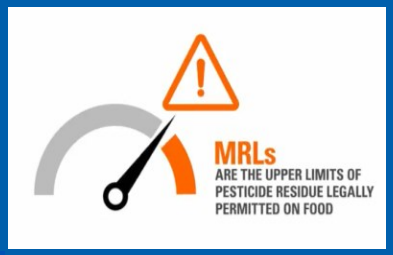
MRL harmonization